

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TÔ LÂM HỮU NAM

**CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN
TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY THEO PHÁP LUẬT TỔ
TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH

HÀ NỘI - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY	6
1.1. Khái niệm và đặc điểm của chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy	6
1.2. Các hoạt động chứng minh cụ thể trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy	13
1.3. Đối tượng, giới hạn và phạm vi chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy	20
1.4. Mục đích, ý nghĩa của quá trình chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy	24
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY	27
2.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 về chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép ma túy	27
2.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 về chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép ma túy	49
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP MA TÚY	54
3.1. Thực trạng quá trình chứng minh các vụ án mua bán ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 2010 đến 2015	54
3.2. Phương hướng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy tại Thành Phố Hồ Chí Minh	69
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
CSPCTP	: Cảnh sát phòng chống tội phạm
MT	: Ma túy
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
MBTPCMT	: Mua bán trái phép chất ma túy
VAMBTPCMT	: Vụ án mua bán trái phép chất ma túy
VAMT	: Vụ án ma túy
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chứng minh trong điều tra vụ mua trái phép chất ma túy theo pháp luật Tố tụng hình sự là một vấn đề phức tạp, vừa mang tính lý luận, tính thực tiễn đồng thời có tính quyết định trong việc xác định sự thật khách quan của VAMBTPCMT. Việc nhận thức đúng và đầy đủ lý luận về chứng cứ nói chung trong đó có quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT sẽ bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, chính xác, không để lọt tội phạm, không làm oan, đối với người vô tội.

Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và nhiều nước trên thế giới đều có qui định về chứng cứ và quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự, trong đó chế định chứng cứ giữ vai trò hết sức quan trọng là căn cứ, phương tiện duy nhất để phục vụ quá trình chứng minh vụ án.

Tuy nhiên, vấn đề nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận để áp dụng qui định của pháp luật vào quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT của cơ quan tiến hành tố tụng rất ít được quan tâm nghiên cứu. Bên cạnh đó, Bộ luật tố tụng hình sự qui định về vấn đề này ở một chừng mực nào đó còn chưa cụ thể và chặt chẽ. Mặt khác, trong khoa học luật tố tụng hình sự không ít vấn đề về quá trình chứng minh và các chế định liên quan đến nó còn chưa thống nhất về cách hiểu, thậm chí có những quan điểm trái ngược nhau.

Trong thực tiễn hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, tình hình tội phạm đang diễn ra hết sức phức tạp, thủ đoạn gây án và che giấu tội phạm của kẻ phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Thời gian vừa qua Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án là các cơ quan được Nhà nước giao cho nghĩa vụ chứng minh các VAMBTPCMT, đã thực hiện quá trình chứng minh trong các vụ này và thu được những kết quả tốt. Nhiều vụ trọng án ma túy mà dư luận cả nước quan tâm đã được các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý kịp thời, đảm bảo công minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần giữ vững ổn định tình hình kinh tế, chính trị và trật tự an toàn xã hội của TP.Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vụ án mà Cơ quan điều tra giải quyết chưa được triệt để, quá trình chứng minh xác định sự thật vụ án còn có nhiều sai sót, dẫn đến việc điều tra, truy tố, xét

xử không đúng người, đúng tội và nhiều trường hợp để lọt tội phạm, từ đó cho thấy, việc nhận thức và áp dụng pháp luật về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT của một số chủ thể tố tụng hình sự chưa được triệt để.

Việc nghiên cứu chứng minh trong VAMBTPCMT ở TP.Hồ Chí Minh là một nội dung hết sức quan trọng có ý nghĩa cả về mặt khoa học và thực tiễn, làm cho hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy đạt hiệu quả cao, giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng làm rõ sự thật khách quan của vụ án một cách nhanh chóng, chính xác, đáp ứng được yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài "***Chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy theo pháp luật Tố tụng hình sự tại TP.Hồ Chí Minh***" làm luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT là một đề tài khó, phức tạp, còn tồn tại nhiều cả về lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu làm rõ, nhưng cho đến nay số tài liệu nghiên cứu về vấn đề này còn rất ít, chưa cập nhật những điểm mới của BLHS và BLTTHS năm 2015, cụ thể như: Luận văn cao học: *Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự* của thạc sĩ Nguyễn Thanh Hòe năm 1997; luận án tiến sĩ luật học: *Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay* của tiến sĩ Nguyễn Văn Đương năm 2000; Luận văn tiến sĩ luật học: *Quá trình chứng minh trong vụ án hình sự ở TP.Hồ Chí Minh* của Nguyễn Văn Du, 2006 ...Các nhà khoa học và một số tác giả cũng đã quan tâm đến một số khía cạnh nội dung của quá trình chứng minh trong vụ án và đã đề cập trong một số giáo trình, sách, tài liệu, tạp chí chuyên ngành như: *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam* (chương VI, mục 6), thầy Võ Khánh Vinh chủ biên.....

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu và các bài viết trên chỉ thể hiện ở một phần, ở một khía cạnh trong mỗi giai đoạn của quá trình giải quyết vụ án mà chưa có một công trình nghiên cứu nào đảm bảo được tính lôgic, hệ thống, sâu sắc, toàn diện về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT.

Từ thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các VAMBTPCMT tại TP.Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống vấn đề lý luận

và thực tiễn của quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT cụ thể tại TP.HCM nói riêng và ở nước ta nói chung. Đây là vấn đề hết sức cần thiết, nhằm không ngừng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, trên cơ sở đó tạo nền tảng cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án khắc phục thiếu sót nhằm áp dụng pháp luật chính xác, xử lý công minh đảm bảo công bằng, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT ở TP.Hồ Chí Minh nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Muốn đạt được mục đích này điều quan trọng trước tiên là Cơ quan điều tra phải xác định được những vấn đề cần chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy. Các tình tiết của những vấn đề cần phải chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy là hết sức đa dạng và phong phú, nhưng vấn đề chủ yếu cần xác định là các cơ quan điều tra bằng các biện pháp khoa học mà luật tố tụng hình sự qui định để xác định chân lý khách quan của vụ án, muốn vậy phải chứng minh được đầy đủ các tình tiết có liên quan đến vụ án. Vì vậy, luận văn tập trung nghiên cứu làm rõ một cách toàn diện và có hệ thống dưới góc độ lý luận và thực tiễn quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở TP.HCM nhằm: Làm sáng tỏ những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận của quá trình chứng minh mua bán trái phép chất ma túy ở TP.HCM; Góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về quá trình chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy, hạn chế những sai sót khi giải quyết các VAMBTPCMT; Làm rõ cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý của quá trình chứng minh mua bán trái phép chất ma túy ở TP.HCM ; Nghiên cứu làm sáng tỏ các nội dung: quá trình chứng minh mua bán trái phép chất ma túy, chứng cứ, đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh, chủ thể của quá trình chứng minh, quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong vụ án, phân tích bản chất từng giai đoạn của quá trình chứng minh vụ án; Làm rõ thực trạng chứng minh v mua bán trái phép chất ma túy của các cơ quan tiến hành tố tụng, chỉ ra những nguyên nhân, thiếu sót đã mắc phải, từ đó đưa ra những giải pháp khả thi để hoàn thiện quá trình chứng minh trong vụ án ở TP.HCM.

Để đạt được mục đích nêu trên, quá trình nghiên cứu luận văn phải giải quyết một số nhiệm vụ như: nghiên cứu lý luận về quá trình chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn điều tra tại các tài liệu ở TP.Hồ Chí Minh; nghiên cứu đánh giá thực trạng quá trình chứng minh vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng ở TP.Hồ Chí Minh thời gian vừa qua. Từ kết quả nghiên cứu đó, luận văn làm phong phú thêm kho tàng lý luận của khoa học tố tụng hình sự ở TP.Hồ Chí Minh, đồng thời đề xuất một số giải pháp có ý nghĩa thực tiễn và lý luận về quá trình chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong mua bán trái phép chất ma túy.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu lý luận cơ bản về quá trình chứng minh trong pháp luật tố tụng hình sự, nghiên cứu về đặc điểm, bản chất và nội dung của hoạt động chứng minh trong mua bán trái phép chất ma túy ở TP.Hồ Chí Minh trong những năm qua. Luận văn cũng nêu rõ các kết quả đạt được, một số ưu điểm, cùng một số mặt còn tồn tại trong quá trình chứng minh mua bán trái phép chất ma túy của các cơ quan điều tra ở TP.Hồ Chí Minh và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở TP.Hồ Chí Minh. Phạm vi nghiên cứu của luận văn là quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT trên cơ sở hoạt động thực tiễn của các cơ quan tiến hành tố tụng từ những năm 2010 trở lại đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của đề tài là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường nhận thức nói chung và khả năng nhận thức chân lý trong tố tụng hình sự nói riêng. Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ nội dung đề tài bao gồm: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp điều tra, phương pháp tọa đàm trao đổi, phương pháp thống kê, lịch sử, lôgic...

Những luận điểm khoa học trong luận văn của tác giả được nghiên cứu và phát triển trên các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học pháp lý ở nước ta.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Trước hết, đây là một công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học pháp lý TP.Hồ Chí Minh nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở TP.Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần phát triển lý luận về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở TP.Hồ Chí Minh và ở nước ta.

Luận văn đưa ra được các luận cứ khoa học, xây dựng một cách tổng thể về nội dung, các bước và các giải pháp về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được khai thác sử dụng trong công tác nghiên cứu của các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật, cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng và sửa đổi Bộ luật hình sự 2015, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và các văn bản dưới luật do các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự ban hành.

Kết quả nghiên cứu, đề xuất kiến nghị của luận văn chính là kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng có thể nghiên cứu để khai thác nhằm áp dụng pháp luật vào thực tiễn, nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động tố tụng hình sự.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương, 9 mục.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG MINH

TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

1.1. Khái niệm và đặc điểm của chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

1.1.1. Khái niệm chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Theo giáo trình của Học viên Cảnh sát nhân dân xác định “tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội có liên quan đến ma túy được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Hay nói cách khác, tội phạm về ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt”.

Và Luật hình sự và khoa học pháp lý của nước ta đã cho rằng mua bán trái phép chất ma túy thể hiện các hành vi cụ thể là : Bán trái phép chất ma túy cho người khác; mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác, vận chuyển chất ma túy để bán trái phép cho người khác; xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; dùng chất ma túy để trao đổi, thanh toán,... trái phép; tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy để bán lại trái phép cho người khác. Nếu người nào đó có hành vi chào bán trái phép chất ma túy, thoả thuận mua bán về giá cả, địa điểm thời gian để tiến hành việc mua bán nhưng chưa thực hiện được việc bán thì cấu thành tội phạm này ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Như vậy tất cả hành vi trên được xem là hành vi mua bán trái phép chất ma túy, và người thực hiện hành vi trên được xem là phạm tội về mua bán trái phép chất ma túy.

Đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy nói riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung là nhiệm vụ quan trọng cấp bách của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Xuất phát từ những hậu quả nặng nề mà nó mang lại cho xã hội, Nhà nước ta đã xác định phải xây dựng một hệ thống pháp luật TTHS của Việt Nam gắn với sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng và bám sát sự phát triển của thời đại, TTHS là công cụ pháp lý sắc bén nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy, để bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy rất quan trọng, luôn luôn đòi hỏi phải đảm bảo nhiều yếu tố mang tính nguyên tắc: Phải đảm bảo ngăn chặn

kip thời hành vi phạm tội và tránh những hậu quả xảy ra cho cộng đồng; Trừng trị đúng tội và đúng mức độ nguy hiểm của người phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội hoặc xâm phạm những lợi ích hợp pháp của công dân, cải tạo giáo dục người phạm tội thành người có ích cho xã hội.

Vì vậy, BLHS xác định rõ những hành vi được xem là tội phạm mua bán trái phép ma túy. Cùng với những quy định của BLHS, việc phát hiện xử lý các tội phạm còn phải được tiến hành theo những thủ tục và trình tự do Bộ luật TTHS qui định, trong đó các qui định liên quan đến quá trình chứng minh vụ án hình sự chiếm một vai trò quan trọng và quyết định đòi hỏi cần có sự tuân thủ nghiêm ngặt nhằm đạt được mục đích cuối cùng là giải quyết đúng đắn vụ án.

Chứng minh trong VAMBTPCM là hoạt động đặc thù đối với một loại tội phạm cụ thể, đồng thời là phạm trù bao hàm rất nhiều hoạt động có nội dung liên quan đến khoa học pháp lý tố tụng. Trong đó bao gồm việc sử dụng chứng cứ làm phương tiện của việc chứng minh nhằm xác định các tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án, bao gồm cả toàn bộ quá trình chứng minh (thu tập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ), xác định đối tượng chứng minh, phạm vi chứng minh, giới hạn chứng minh và nghĩa vụ chứng minh đối với vụ án. Trong vụ án về tội phạm ma túy, chúng ta cần phải nhận thức đúng đắn về các vấn đề nêu trên, tránh nhầm lẫn giữa các phạm trù trong chứng minh và sử dụng chứng cứ làm phương tiện chứng minh một cách hiệu quả.

Quá trình chứng minh trong một vụ án bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án bao gồm nhiều hoạt động khác nhau của các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau như: Hoạt động điều tra, hoạt động truy tố và hoạt động xét xử. Mỗi hoạt động đó đều hàm chứa các hành vi tố tụng khác nhau. Cụ thể đối với giai đoạn điều tra: Hoạt động điều tra với tính chất là một giai đoạn tố tụng do Cơ quan điều tra tiến hành, được bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc thời điểm làm rõ nội dung vụ án, đối tượng gây án, khởi tố bị can và chuyển viện kiểm sát. Hoạt động bao gồm các hành vi tố tụng đặc trưng như: Bắt tạm giam bị can, khám xét, hỏi cung bị can, ghi lời khai người làm chứng, người bị hại, tiến hành đối chất, nhận dạng v.v... nhằm làm rõ đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra... Tất cả các hành vi tố tụng cụ

thể đó nhằm đến một mục đích cuối cùng và cao nhất đó là chứng minh chân lý khách quan của vụ án hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử chính là toàn bộ quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT. Và chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT là giai đoạn đầu tiên của quá trình chứng minh, nó bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc thời điểm làm rõ nội dung vụ án, đối tượng gây án và khởi tố bị can. Giai đoạn này tập trung vào các hoạt động tố tụng do Cơ quan điều tra tiến hành và đặc trưng với các hoạt động: thu tập tài liệu và dùng làm chứng cứ pháp lý để xác định người thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội, lấy lời khai người tố giác tội phạm, những người có liên quan, lấy lời khai người làm chứng, người bị bắt, biên bản khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định, nhận dạng, đối chất, các lệnh bắt, khám xét, thu giữ bảo quản tang, tài vật..v.v... Ở giai đoạn này có nhiều tình huống, tính chất, đặc điểm khác nhau, chính vì vậy nhiệm vụ chính của hoạt động trong giai đoạn điều tra là thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm xác định rõ: phạm vi chứng minh, Đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình truy tố, xét xử.

Chứng minh là quá trình xác định sự thật khách quan, là một quá trình nhận thức cái chưa biết, đi từ chưa biết đến biết, một quá trình tuân theo các quy luật của phép duy vật biện chứng. Quá trình này là một quá trình nhận thức chân lý, một quá trình phản ánh biện chứng các sự vật và hiện tượng của thế giới vật chất vào trong ý thức con người, trên cơ sở thực tiễn.

Do đó chứng minh trong vụ án là quá trình nhận thức về vụ án được các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện nhằm xác định chân lý khách quan của vụ án. Tức là xác định sự phù hợp đầy đủ, chính xác của sự kiện phạm tội và tất cả các tình tiết khác của vụ án để làm rõ mức độ trách nhiệm của người đã thực hiện hành vi phạm tội, hoặc khẳng định ngược lại là tội phạm không được thực hiện trong thực tế, người bị truy cứu trách nhiệm hình sự không có lỗi. Việc nhận thức chân lý khách quan của vụ án mà tủy là một quá trình hết sức phức tạp được tạo bởi các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá các chứng cứ do các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện phù hợp với các qui định của BLTTHS Việt Nam; quá trình này được thừa nhận là

một quá trình nhận thức. Vì vậy quá trình chứng minh tội phạm ma túy cũng phải tuân thủ những qui luật chung của quá trình nhận thức hiện thực khách quan.

Tuy nhiên, nghiên cứu Bộ luật TTHS 2003 và các văn bản pháp luật của Nhà nước ta, chúng tôi chưa thấy có một định nghĩa cụ thể về chứng minh, cũng như quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT. Trong quá trình thực hiện hoạt động tố tụng, Cơ quan điều tra khi điều tra và giải quyết các VAMBTPCMT cần phải chứng minh những sự việc có liên quan đến hành vi phạm tội để khẳng định rằng: hành vi mua bán trái phép ma túy đã được thực hiện, xác định đúng người đã thực hiện tội phạm và người đó phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện. Tất cả các sự kiện và tình tiết của vụ án cần phải xác định phù hợp với hiện thực khách quan, tức là phải làm sáng tỏ các sự kiện và tình tiết đã xảy ra trong thực tế. Để đạt được mục tiêu này, các Cơ quan điều tra về tội phạm ma túy phải dựa vào các chứng cứ để chứng minh rõ tội phạm đã xảy ra, xác định lỗi của bị can, bị cáo, tức là chứng minh người thực hiện hành vi phạm tội và họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội đó.

Trên cơ sở những qui định của pháp luật TTHS Việt Nam và các văn bản pháp luật khác về điều tra và thực tiễn có thể hiểu: Chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT là quá trình mà các cơ quan điều tra, cán bộ điều tra có thẩm quyền thực hiện hoạt động nhận thức chân lý về vụ án ma túy. Việc nhận thức về vụ án ma túy là việc phản ánh một cách khách quan toàn bộ diễn biến về vụ án, hay nói cách khác là tái dựng lại được một bức tranh toàn cảnh, chính xác về vụ án ma túy đã xảy ra. Để đạt được điều này, cơ quan điều tra phải thực hiện các biện pháp do pháp luật TTHS quy định, làm sáng tỏ tất cả mọi vấn đề có trong vụ án ma túy. Việc nghiên cứu các sự kiện, tình tiết của vụ án được tiến hành dựa trên cơ sở "chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự do bộ luật này quy định, mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội, cũng như tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án". Chỉ có dựa vào chứng cứ thì mới làm sáng tỏ được tội phạm, chỉ rõ được người thực hiện hành vi phạm tội, chỉ có dựa vào chứng cứ thì cán bộ điều tra mới có căn cứ để đưa ra kết luận của mình về tội phạm, về tính có lỗi của bị can, bị cáo và những vấn đề khác có liên quan đến vụ án ma túy.

Chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT phải tuân theo những quy tắc logic nhất định như việc nhận thức mọi hiện tượng của hiện thực. Trước tiên cần thu thập tài liệu thực tế nhất định, tiếp đến tài liệu đó cần được phân tích, được phân ra từng phần, làm sáng tỏ từng chi tiết cụ thể, từng mặt của các sự kiện cần được nghiên cứu xem xét; sau đó sẽ rút ra được những kết luận khái quát tổng hợp về các sự kiện đã được nghiên cứu. Trên cơ sở các sự kiện đã được xem xét xây dựng nên những giả thiết chứng minh, rồi sau đó được kiểm tra, đánh giá thận trọng, tỉ mỉ, nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, từ những thông tin, sự kiện riêng lẻ đến những sự kiện chung nhất và cả bằng tư duy suy diễn, từ đó đi đến những kết luận cụ thể đối với các sự kiện, tình tiết cụ thể và các dấu hiệu của nó.

Nhận thức về chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT là công việc tư duy của Điều tra viên đối với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đồng thời chính là tổng thể các hoạt động được Điều tra viên tiến hành hướng tới việc thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ. Như vậy, chứng minh trong vụ án ma túy là quá trình nhận thức các sự kiện, các tình tiết của vụ án ma túy, quá trình nhận thức này phải đảm bảo sử dụng các biện pháp khoa học vì từ đó sẽ rút ra những kết luận, quyết định có liên quan tới những giá trị rất lớn như: Quyền và lợi ích của Nhà nước, tự do, danh dự, nhân phẩm của con người. Vì vậy, quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT phải đảm bảo tính khoa học chặt chẽ của phương pháp phán đoán, suy luận được ứng dụng đặc biệt cần thiết và sâu sắc, đồng thời phải đảm bảo chặt chẽ hơn so với hoạt động nghiên cứu, tư duy, suy luận trong công tác nghiên cứu khoa học.

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra theo luật TTHS là tổng thể những hoạt động của cơ quan điều tra, điều tra viên được thực hiện theo một trật tự nhất định áp dụng đúng các quy định của pháp luật TTHS, dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ và những tình tiết khác liên quan đến vụ án, để khẳng định có hay không có một tội phạm xảy ra, tính có lỗi hay không có lỗi của một người nào đó, đồng thời xác định những tình tiết có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người thực hiện tội phạm. Chính từ quá trình đó mà chất lượng, giá trị chứng minh của các thông tin được khẳng định và bức tranh về sự kiện phạm tội dần được tái hiện như

nó vốn có, các cơ sở giải quyết vụ án được hình thành, củng cố. Tổng hợp các hành vi đó tạo thành nội dung của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT.

Như vậy, Chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT nói riêng và chứng minh trong điều tra vụ án hình sự nói chung là tổng hợp các hoạt động tố tụng hình sự do chủ thể là các cơ quan điều tra được Nhà nước trao quyền tiến hành theo trình tự được Bộ luật tố tụng hình sự quy định để làm rõ đối tượng, phạm vi, giới hạn chứng minh bằng việc thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ nhằm xác định sự thật khách quan của VAMBTPCMT.

1.1.2. Đặc điểm của chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Hoạt động chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT chủ yếu thể hiện trong các giai đoạn điều tra, trong đó các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để thu thập chứng cứ, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Mỗi tài liệu được coi là chứng cứ chỉ có giá trị chứng minh khi đảm bảo được tính hợp pháp của nó, tức là các cơ quan tiến hành tố tụng khi thu thập chứng cứ đều phải theo một trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Ở giai đoạn điều tra, trên cơ sở Luật phòng chống tội phạm về ma túy, Chương XVIII Bộ luật Hình sự thì các hoạt động của điều tra viên phải do pháp luật tố tụng hình sự, pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự quy định và điều chỉnh về trình tự thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ ở giai đoạn đó, thì chứng cứ mới có giá trị chứng minh. Ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình điều tra, mà chủ thể tiến hành tố tụng áp dụng các phương pháp thu thập chứng cứ không do BLTTHS quy định thì những thông tin, những tài liệu, sự kiện đó không được coi là chứng cứ để sử dụng vào việc chứng minh trong vụ án ma túy.

Chứng cứ là phương tiện duy nhất để các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT, tuy nhiên hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ ở mỗi giai đoạn đều có đặc điểm riêng khác nhau, khi nghiên cứu về quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT thì cần phải làm rõ quá trình chứng minh của giai đoạn điều tra là vấn đề hết sức cần thiết để giúp cho chúng ta hiểu rõ được quá trình chứng minh của từng giai đoạn, từ đó đề ra

những biện pháp và kế hoạch cụ thể để thu thập chứng cứ một cách phù hợp và hiệu quả.

Mỗi giai đoạn của quá trình chứng minh đều hết sức quan trọng và không thể thiếu được trong điều tra VAMBTPCMT, vì vậy chúng tôi cho rằng việc nghiên cứu về giai đoạn thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và sử dụng chứng cứ để chứng minh là các giai đoạn có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Bởi lẽ đó, chúng tôi thấy cần phải nghiên cứu và làm rõ đặc điểm từng giai đoạn của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT.

Chứng minh trong giai đoạn điều tra là quá trình chứng minh bắt đầu từ khi vụ án ma túy được khởi tố và kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền có bản kết luận điều tra. Việc này thể hiện sự đánh giá, kết luận mang tính pháp lý đầu tiên về sự thật khách quan của vụ án. Giai đoạn này là giai đoạn khởi đầu của quá trình chứng minh làm tiền đề cho các giai đoạn tiếp theo.

Hoạt động chứng minh VAMBTPCMT ở trong giai đoạn điều tra thực tế diễn ra không chỉ sau khi có quyết định khởi tố VAHS mà hoạt động này có thể bắt đầu từ khi nhận được tin báo về tội phạm ma túy, vì vậy hoạt động chứng minh vụ án ma túy có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án. Giai đoạn này là giai đoạn tiền khởi tố. Cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể ra quyết định khởi tố vụ án về ma túy khi có căn cứ xác định: "Có dấu hiệu của tội phạm về ma túy". Trong thực tế, tội phạm ma túy diễn ra rất phức tạp và muôn hình muôn vẻ, có những sự việc đơn giản có thể kết luận ngay là có "dấu hiệu của tội phạm về ma túy" mà không cần phải qua xác minh hay điều tra sơ bộ nhưng có những sự việc phải thông qua quá trình xác minh, kiểm tra và đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải sử dụng đến các chiến thuật, biện pháp nghiệp vụ mới có thể kết luận được là có hay không có "dấu hiệu của tội phạm ma túy" (đặc biệt là đối với các vụ án ma túy phức tạp có yếu tố nước ngoài, phạm vi quốc tế, mức độ ảnh hưởng lớn đến xã hội). Chính vì vậy, trước khi ra quyết định khởi tố vụ án, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành một số biện pháp có tính chất tố tụng nhằm thu thập chứng cứ, tài liệu để có thể tổng hợp đánh giá, kết luận về sự việc sau đó mới có quyết định khởi tố vụ án và phân công Điều tra viên, Cơ quan điều tra muốn sử dụng các chứng cứ ở giai đoạn tiền khởi tố thì đòi hỏi phải chuyên hóa chứng cứ. Đây là đặc điểm khác hẳn với giai đoạn truy tố và xét xử.

Chủ thể của quá trình chứng minh ở giai đoạn điều tra chỉ bao gồm Điều tra viên hoặc cán bộ được phân công làm công tác điều tra của các cơ quan khác như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo qui định tại Điều 111 BLTTHS.

Sau khi có quyết định khởi tố vụ án ma túy, hoạt động trước tiên để chứng minh vụ án ma túy là thu thập chứng cứ. Để thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra cần căn cứ vào qui định của BLTTHS để tiến hành.

Tuy nhiên, khác với hoạt động kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ chứng minh trong giai đoạn truy tố và xét xử, hoạt động đánh giá, sử dụng chứng cứ trong giai đoạn này chỉ mang tính sơ bộ, chưa mang tính chính thức và cũng chưa đủ để đưa ra kết luận cuối cùng về bản chất vụ án vì nó được thực hiện trước khi xét xử và nhằm mục đích phục vụ cho giai đoạn xét xử. Chỉ trong trường hợp cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra thì việc đánh giá chứng cứ mới có tính quyết định.

Như vậy, đặc điểm dễ nhận thấy của quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra là chủ yếu tập trung ở hoạt động phát hiện, thu thập chứng cứ còn hoạt động kiểm tra, đánh giá và sử dụng về chứng cứ chỉ dừng ở mức sơ bộ nhằm củng cố về mặt thủ tục tố tụng đối với chứng cứ và đưa ra kết luận chính thức đầu tiên về VAHS thông qua bản kết luận điều tra.

1.2 Các hoạt động chứng minh cụ thể trong điều tra VAMBTPCMT

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra bao gồm các hoạt động chứng minh cụ thể đó là thu thập, kiểm tra đánh giá và sử dụng chứng cứ, nhằm xác định làm rõ đối tượng, phạm vi và giới hạn chứng minh vụ án từ đó nhận thức đúng đắn chân lý của vụ án.

1.2.1 Thu thập chứng cứ

Thu thập chứng cứ là giai đoạn đầu tiên của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT. Giai đoạn này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh. Để làm sáng tỏ vụ án, cần phải tái tạo lại những tình tiết đã xảy ra trước đó đòi hỏi, các cơ quan tiến hành tố tụng phải thu thập được đầy đủ những thông tin về sự việc xảy ra, bởi vì các thông tin phản ánh về quá trình hoạt

động của tội phạm tồn tại là tất yếu khách quan, có tính quy luật, thể hiện đặc tính phản ánh.

Thu thập chứng cứ là giai đoạn cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các phương tiện, biện pháp và phương pháp theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự để xác định, tìm ra, thu giữ, bảo quản những chứng cứ và nguồn chứng cứ nhằm giải quyết chính xác đối với vụ án. Xét về bản chất giai đoạn thu thập chứng cứ bao gồm tổng hợp các hoạt động phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ.

Nghiên cứu các vụ án ma túy đã xảy ra trong thực tiễn thì mỗi vụ án đều có những biểu hiện khác nhau, không vụ án nào giống vụ án nào. Thủ đoạn của kẻ phạm tội cũng rất khác nhau. Kẻ phạm tội mua bán ma túy nào cũng sẽ cố gắng dùng nhiều thủ đoạn nhằm tìm mọi cách để che giấu hành vi tội phạm của mình. Mỗi vụ án về ma túy có nội dung khác nhau ở nhiều mặt như: Thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, phạm vi phạm tội, quy mô, tính chất mức độ.... Tuy hoàn toàn khác nhau như vậy nhưng tất cả các vụ án ma túy đã xảy ra đều có một điểm chung giống nhau cơ bản, đó là kẻ phạm tội đều để lại dấu vết liên quan đến ma túy. Những dấu vết đó chính là chứng cứ mà những người tiến hành tố tụng tìm cách thu thập để dùng làm phương tiện chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Phát hiện chứng cứ là tìm ra những sự vật, hiện tượng, dấu vết, tài liệu, đang tồn tại trong thế giới vật chất, lưu giữ những thông tin về vụ án. Nên các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải lựa chọn áp dụng biện pháp này hay biện pháp khác sao cho phù hợp với pháp luật và đạt được hiệu quả cao. Do tính chất đấu tranh đối với loại đối tượng đặc thù đó là tội phạm về ma túy, cho nên các chứng cứ về loại tội phạm này tập trung chủ yếu vào phát hiện vật chứng là chất ma túy, sau đó đến các vật chứng và thông tin tài liệu khác.

Thu giữ chứng cứ là hoạt động được tiến hành sau khi đã phát hiện được chứng cứ và nguồn chứng cứ để phục vụ cho việc chứng minh tội phạm hoặc giải quyết những vấn đề khác liên quan đến vụ án sau này. Các phương tiện và phương pháp thu giữ chứng cứ và nguồn chứng cứ cần được xác định dựa trên những đặc điểm riêng của chính đối tượng cần thu giữ. Hoạt động thu giữ chứng cứ, vật chứng là tiền đề vật chất, trực tiếp cho công tác truy nguyên hình sự. Thu giữ không đúng phương pháp khoa học, không tuân theo thủ tục mà pháp luật tố tụng hình sự qui

định thì có thể sẽ làm chứng cứ, vật chứng bị hủy hoại và không có giá trị chứng minh.

Ghi nhận chứng cứ là công việc tiếp theo, đây là quá trình mô tả, chuyển tải những thông tin về các chứng cứ được phát hiện vào những văn bản tố tụng phù hợp theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể như biên bản khám xét, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng... Ghi nhận chứng cứ là nhằm ghi nhận nội dung chứng cứ, mà kết quả là có được những thông tin đầy đủ nhất về đối tượng cần phản ánh, với toàn bộ đặc tính và dấu hiệu của chứng cứ. Quá trình ghi nhận chứng cứ phải mang tính lựa chọn, chỉ phản ánh những dấu hiệu, thuộc tính cần thiết của đối tượng có ý nghĩa trong quá trình chứng minh.

Việc ghi nhận chứng cứ theo đúng qui định của pháp luật tố tụng hình sự là một trong những điều kiện đảm bảo giá trị chứng minh và hiệu lực sử dụng của chứng cứ trong vụ án. Khi ghi nhận các chứng cứ được phát hiện, thu giữ, cần mô tả một cách đầy đủ, cụ thể mọi đặc điểm của chúng như nó vốn có, không được nhận xét, đánh giá theo ý chủ quan của bản thân.

Bảo quản chứng cứ là áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo vệ, giữ gìn tính nguyên vẹn của vật chứng, chứng cứ, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng, đánh tráo dấu vết, vật chứng hoặc làm thay đổi các đặc điểm, thuộc tính, những thông tin có giá trị chứng minh của vật chứng, chứng cứ để các chứng cứ đã thu thập được có giá trị chứng minh, phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Thực chất của việc bảo quản chứng cứ là bảo vệ giá trị chứng minh của chứng cứ.

Chính vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự đã qui định hết sức chặt chẽ "Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không được để mất mát, lẫn lộn và hư hỏng. Việc niêm phong, bảo quản vật chứng được thực hiện như sau (Khoản 2 điều 75 BLTTHS) "Đối với vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong phải được tiến hành theo quy định của pháp luật và phải lập biên bản để đưa vào hồ sơ vụ án..."

Mỗi một chứng cứ cần được Cơ quan điều tra xem xét một cách cụ thể, chi tiết và phải được ghi nhận dưới những hình thức phù hợp với các đòi hỏi của luật tố tụng hình sự.

Vậy: Thu thập chứng cứ trong quá trình chứng minh đối với điều tra VAMBTPCMT là quá trình phát hiện thu giữ, ghi nhận, và bảo quản chứng cứ do cơ quan điều tra thực hiện bằng các phương pháp phù hợp với quy định của luật tố tụng hình sự.

1.2.2. Kiểm tra và đánh giá chứng cứ

1.2.2.1. Kiểm tra chứng cứ

Kiểm tra chứng cứ là hoạt động của các Cơ quan điều tra tiến hành nhằm xác định một cách thận trọng, toàn diện, khách quan tính chính xác của những thông tin thực tế và tính đáng tin cậy của những nguồn chứng cứ đã được thu thập để xác lập một cách chính xác mọi tình tiết của vụ án. Trong giai đoạn điều tra vụ án ma túy, cán bộ điều tra có vị trí rất quan trọng, vì giai đoạn này là khâu tiền đề trước khi tiến hành cho các biện pháp đánh giá và sử dụng. Những nhận định phán đoán ban đầu của Điều tra viên về chứng cứ và nguồn của chúng cần mang tính hợp lý, lôgic, đồng thời áp dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra chứng cứ. Những nhận định, phán đoán ban đầu của cơ quan điều tra sẽ được sử dụng làm định hướng cho hoạt động kiểm tra chứng cứ, xác định những phương pháp cụ thể cần áp dụng để kiểm tra các loại chứng cứ khác nhau của vụ án.

Trong điều tra VAMBTPCMT, kiểm tra chứng cứ được tiến hành thường xuyên liên tục song song với việc thu thập chứng cứ và được duy trì trong toàn bộ quá trình chứng minh, mà chủ thể của các giai đoạn này là Điều tra viên được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra theo luật định. Khi kiểm tra chứng cứ, điều tra viên có thẩm quyền có trách nhiệm không chỉ kiểm tra các thông tin thực tế đã thu thập mà phải kiểm tra cả nguồn của chúng; không chỉ kiểm tra từng chứng cứ một cách riêng lẻ, mà phải kiểm tra tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được, mối quan hệ giữa các chứng cứ đã thu thập và với các chứng cứ khác đã có trong vụ án ma túy.

Hoạt động kiểm tra chứng cứ trong giai đoạn điều tra chỉ có thể đạt được mục đích đề ra khi nó được tiến hành bằng những biện pháp khoa học. Thông thường, trong việc kiểm tra chứng cứ các điều tra viên có thể sử dụng các phương pháp: Phương pháp lôgic; phương pháp thực hiện các hành vi tố tụng; phương pháp giám định. Các phương pháp này được áp dụng trong thực tiễn có nhiều điểm khác nhau

nhưng đều hướng đến mục đích chung mà giai đoạn kiểm tra chứng cứ cần đạt được.

Trong giai đoạn điều tra, hoạt động kiểm tra chứng cứ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, được tổ chức thực hiện bài bản và nghiêm túc. Tuy nhiên bên cạnh việc kiểm tra những chứng cứ đã thu thập thì cần phải chú ý tìm những chứng cứ mới để làm sáng tỏ thêm những chứng cứ đã thu thập được. Trong quá trình tiến hành tố tụng, khi đã thu thập được chứng cứ, nhưng có thể còn có những chứng cứ nào đó bị nghi ngờ về tính chính xác, không đảm bảo độ tin cậy để chứng minh các tình tiết trong vụ án. Vì vậy, khi kiểm tra chứng cứ, cơ quan điều tra phải phát hiện, tìm thêm những chứng cứ mới trong vụ án để củng cố, khẳng định tính đúng đắn của chứng cứ đã thu thập hoặc ngược lại, thông qua nội dung thông tin từ chứng cứ mới mà bác bỏ, phủ định chứng cứ cũ.

1.2.2.2 Đánh giá chứng cứ

Đánh giá chứng cứ là hoạt động nhận thức, tư duy của cơ quan tiến hành tố tụng nhằm xác định giá trị chứng minh của những chứng cứ đã thu thập được. Đây là một giai đoạn phức tạp của quá trình chứng minh, được các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tiến hành liên tục, xuyên suốt trong quá trình chứng minh trong điều tra vụ án, nhằm sử dụng sử dụng chứng cứ vào từng giai đoạn khác nhau trong quá trình nhận thức khách quan vụ án.

Đối với chứng minh trong điều tra vụ án ma túy, việc đánh giá chứng cứ là nhiệm vụ của điều tra viên. Điều tra viên cần phải vận dụng các kiến thức về khoa học pháp lý, khoa học hình sự, kinh nghiệm đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy... để căn cứ vào đó đánh giá các chứng cứ đã thu thập và kiểm tra.

Việc đánh giá của cơ quan điều tra trong giai đoạn này nhằm xác định:

- Việc sử dụng một chứng cứ nào đó trong hệ thống các chứng cứ đã thu thập được vào việc chứng minh vụ án có được hay không; việc sử dụng chứng cứ đó có gì mâu thuẫn với pháp luật và các nguyên tắc của quá trình chứng minh hay không;
- Các chứng cứ sử dụng để chứng minh thuộc các tình tiết cần phải chứng minh có mối liên hệ với các chứng cứ khác hay không; chứng cứ đó có nằm trong tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được trong vụ án hay không;

- Mỗi liên hệ của chứng cứ đó với các chứng cứ khác trong vụ án như thế nào, trực tiếp hay gián tiếp, tính chất và ý nghĩa của mỗi liên hệ ấy như thế nào;

- Chứng cứ này cũng như toàn bộ chứng cứ có giá trị như thế nào đối với việc xác định chân lý, đã đủ cơ sở để ra các quyết định về vụ án hay chưa;

- Chứng cứ này phải đảm bảo các yêu cầu nhằm để viện kiểm sát và tòa án tiếp tục sử dụng chứng minh trong vụ án.

Chứng cứ trong vụ án ma túy không bao giờ cô lập, mà nó luôn nằm trong mối quan hệ mật thiết và lôgic với nhau. Xác định được mối quan hệ đó là điều kiện cần thiết để xác định sự thật khách quan trong vụ án ma túy.

Việc phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ về số lượng, chất lượng có sự khác nhau dẫn tới việc đánh giá những tài liệu, chứng cứ cũng có sự khác nhau. Nhưng chúng ta phải nhận thức rằng việc đánh giá chứng cứ không chỉ dừng ở giai đoạn điều tra mà nó còn được duy trì đến khi vụ án kết thúc, việc đánh giá tài liệu chứng cứ ở các giai đoạn tố tụng (giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử) có mối quan hệ với nhau và có cùng một mục đích. Việc đánh giá ở giai đoạn điều tra là tiền đề, điều kiện của các giai đoạn sau. Giai đoạn điều tra cung cấp bổ sung thông tin, chứng cứ cho các giai đoạn sau để dần hoàn thiện nhận thức chân lý khách quan của vụ án. Đánh giá chứng cứ là quá trình hoạt động tư duy, xác định khả năng sử dụng chứng cứ để chứng minh những vấn đề cần phải chứng minh, đó chính là quá trình nhận thức lôgic về chứng cứ và là sự phù hợp của các chứng cứ trong toàn bộ hệ thống chứng cứ.

Sau khi cơ quan điều tra đã xác định được tính chính xác của chứng cứ, việc tiếp theo là phải kết luận giá trị chứng minh của từng chứng cứ. Điều tra viên cần phải đánh giá giá trị chứng minh của từng chứng cứ, tức là xác định xem chứng cứ đó có khả năng làm rõ được tình tiết nào trong vụ án, mức độ tin cậy của chứng cứ đó ở chừng mực nào, giới hạn đến đâu, chứng cứ đó có giá trị chứng minh một phần hay toàn bộ vụ án, chứng minh trực tiếp hay gián tiếp, chứng cứ đó đã đủ cơ sở để Viện kiểm sát và Tòa án đưa ra những kết luận và quyết định cuối cùng hay không. Nếu điều tra viên đúng đắn trong nhận thức sự việc sẽ giúp cho Viện kiểm sát và Tòa án kết luận định tội danh và quyết định hình phạt đúng, còn nếu nhận thức sai

sẽ dẫn tới kết luận hoặc định tội danh và quyết định hình phạt sai. Chính vì vậy, việc đánh giá và xác định giá trị chứng minh của chứng cứ có vai trò rất quan trọng.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể khẳng định rằng trong giai đoạn điều tra đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy lôgic của Điều tra viên được tiến hành trên cơ sở của pháp luật, ý thức pháp luật, kinh nghiệm và niềm tin nội tâm của điều tra viên để xác định mức độ tin cậy, giá trị của từng chứng cứ cũng như tổng hợp chứng cứ có trong vụ án để làm cơ sở cho Viện kiểm sát và Tòa án rút ra kết luận và giải quyết đúng đắn về vụ án.

1.2.3 Sử dụng chứng cứ để chứng minh

Trong giai đoạn điều tra do thông tin thu thập được về vụ án còn ít ỏi, chưa cho phép hiểu rõ được bản chất của vụ án. Dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã có, Điều tra viên phải xây dựng các giả thuyết điều tra. Kết quả tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra những giả thuyết sẽ giúp Cơ quan điều tra phát hiện, thu thập được những tài liệu, chứng cứ mới. Trong giai đoạn điều tra, không chỉ có Điều tra viên, Kiểm sát viên sử dụng chứng cứ mà có các chủ thể khác tham gia điều tra cũng sử dụng chứng cứ như cán bộ trình sát sử dụng chứng cứ để truy bắt thủ phạm, truy tìm tung tích nạn nhân, vật chứng hoặc tài sản bị chiếm đoạt, người bào chữa sử dụng chứng cứ để bào chữa cho bị can... Chứng cứ được sử dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố để ra các quyết định tố tụng, đó không chỉ là cơ sở pháp lý cho việc tiến hành các hiện pháp điều tra, mà có thể còn là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Trong quá trình chứng minh vụ án, sử dụng chứng cứ để định tội danh nhằm quyết định hình phạt, áp dụng các biện pháp tư pháp như: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi. Quá trình sử dụng chứng cứ là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự, quy phạm pháp luật dân sự, quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm, với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội, bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định.

Sử dụng chứng cứ để kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ mới thu thập được hoặc ngược lại. Quá trình này cũng liên tục xảy ra trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử như sử dụng những tình tiết trong lời khai của người làm chứng, sử dụng vật chứng để khẳng định hay bác bỏ lời khai của bị can, bị cáo hoặc ngược lại sử dụng những chứng cứ do bị can, bị cáo đưa ra để xem xét lại vụ án.

Sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự là việc dùng các chứng cứ đã có để tiếp tục phát hiện các chứng cứ khác thông qua các hoạt động điều tra; để xác định những vấn đề cần phải được chứng minh thuộc phạm vi chứng minh của vụ án trên thực tế và để thực hiện việc buộc tội, gỡ tội đối với bị can, bị cáo.

Quá trình chứng minh về vụ án của cơ quan điều tra là hoạt động tư duy của Điều tra viên đối với các chứng cứ đã phát hiện, thu thập đồng thời tiến hành kiểm tra, đánh giá chúng. Việc đánh giá nghiên cứu chứng cứ được tiến hành bằng cả phương pháp quy nạp và phương pháp suy diễn, sau đó rút ra kết luận khái quát tổng hợp chung nhất. Khi đã thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ thì phải sử dụng tất cả các chứng cứ để xác định sự thật vụ án một cách toàn diện và đầy đủ. Phải sử dụng chứng cứ để xem xét hành vi phạm tội trên các mặt của các yếu tố cấu thành tội phạm trong một tổng thể không tách rời nhau. Các tài liệu chứng cứ phải được kiểm tra xác minh đầy đủ, bảo đảm ba thuộc tính của chứng cứ và phải phù hợp với thực tế khách quan, đảm bảo đủ căn cứ mới được sử dụng. Khi sử dụng chứng cứ để giải quyết vụ án, phải tuân theo đúng quy định của pháp luật hình sự, TTHS, tố tụng dân sự và Bộ luật dân sự.

1.3. Đối tượng, giới hạn và phạm vi chứng minh trong điều tra VAMBTPCM

1.3.1. Đối tượng và phạm vi chứng minh trong điều tra vụ án ma túy

Trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCM, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xác định đối tượng chứng minh, đó là nhóm các sự kiện trong vụ án cần được làm sáng tỏ và khẳng định. Đây chính là mục đích của hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Từ nhóm các sự kiện này các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ dựa vào để xác định phạm vi chứng minh, giới hạn hoạt động chứng minh của mình.

Mỗi hành vi phạm tội thường diễn ra rất đa dạng và phức tạp, phạm vi những vấn đề cần phải chứng minh trong từng trường hợp cụ thể cũng không giống nhau, nhưng xác định đối tượng chứng minh chính là xác định những tình tiết cần phải thu thập chứng cứ để làm rõ trong vụ án ma túy. Điều tra viên sẽ tập trung sự chú ý của mình đến các sự kiện về mặt thực tế có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và sẽ không mất quá nhiều thời gian trong việc làm sáng tỏ các sự kiện không có ý nghĩa đối với vụ án. BLTTHS của nước ta đã quy định cơ bản các nội dung về đối tượng chứng minh trong vụ án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Những tình tiết đó được coi là những tình tiết bắt buộc chung nhất, khái quát nhất, ở các đặc điểm cơ bản nhất của quá trình chứng minh. Chứng minh trong điều tra vụ án hình sự nói chung và VAMBTPCMT nói riêng, nếu chưa thu thập và xác định được các tình tiết kể trên thì chưa thể kết luận và quyết định về việc giải quyết vụ án.

Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự nước ta, chúng ta có thể thấy các sự kiện thuộc đối tượng chứng minh trong một vụ án ma túy sẽ bao gồm: Sự kiện phạm tội; các tình tiết của việc thực hiện tội phạm tương ứng với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm do điều luật của BLHS qui định; người thực hiện tội phạm; có lỗi (có ý hoặc vô ý); các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm; các tình tiết đặc trưng cho nhân thân bị can, bị cáo; các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự, đình chỉ việc khởi tố tội phạm; các sự kiện vạch trần bị can, bị cáo; các sự kiện biện minh cho bị can, bị cáo; hậu quả của tội phạm; các tình tiết tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm.

Còn đối với phạm vi chứng minh, thực tiễn cho thấy, những vấn đề cần phải chứng minh trong thực tế điều tra (kể cả truy tố và xét xử) không đồng nhất với phạm vi chứng minh do luật định. Bởi vì để xác định được những vấn đề phải chứng minh theo luật định, cơ quan điều tra còn phải chứng minh nhiều vấn đề khác, mặc dù các vấn đề này không trực tiếp liên quan đến việc truy tố, xét xử khi giải quyết vụ án, các nội dung này sẽ được loại trừ dần trong quá trình chứng minh và chỉ giữ lại các nội dung liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án. Nói cách khác đối tượng chứng minh của vụ án hình sự là những tình tiết đã được quy định trong luật, còn phạm vi chứng minh trên thực tế luật không xác định trước. Việc xác

định cần phải chứng minh nội dung này hay nội dung kia còn tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh của vụ án, kinh nghiệm của điều tra viên để quyết định.

Do đó những tình tiết được xác định trong phạm vi chứng minh trên thực tế rộng hơn đối tượng chứng minh do luật định. Ngoài những tình tiết xác định các yếu tố cấu thành tội phạm và những tình tiết liên quan đến việc xác định tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, phạm vi chứng minh còn bao gồm nhiều vấn đề khác. Số lượng cụ thể chúng phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm phức tạp của từng vụ án và khả năng xác định của cán bộ điều tra.

So với những vấn đề thuộc đối tượng chứng minh do luật định, những vấn đề thuộc phạm vi chứng minh trên thực tế điều tra rộng hơn rất nhiều và việc xác định chúng khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Do đó, đây là một trong những vấn đề cần lưu ý trong quá trình thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ, bởi vì không phải ngay từ đầu chứng cứ tự nó xác định đối tượng cần tìm mà chính những vấn đề cần làm rõ sẽ quyết định việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Chẳng hạn như trong chuyên án mua bán trái phép ma túy, khi xác định được đối tượng phạm tội và các đầu mối liên quan, thì trên thực tế cơ quan điều tra cần phải tiến hành thu thập rất nhiều thông tin liên quan đến chuyên án, ví dụ như đánh giá, phân loại nhiều đối tượng, xác định khu vực phạm tội, các giả thuyết về thủ đoạn phạm tội..... quá trình trên thực chất là xác định phạm vi những vấn đề phải chứng minh của vụ án trên thực tế.

Như vậy đối với chứng minh trong điều tra vụ án ma túy là tổng hợp những vấn đề phải chứng minh theo luật định. Còn phạm vi chứng minh trong điều tra vụ án trên thực tế là tổng hợp tất cả những tình tiết mà Cơ quan điều tra phải làm rõ, tạo cơ sở để xác định những vấn đề phải chứng minh do luật định.

1.3.2. Giới hạn chứng minh trong điều tra vụ án ma túy

Giới hạn chứng minh là tổng hợp chứng cứ cần và đủ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Nếu đối tượng chứng minh xác định được mục đích, yêu cầu của quá trình chứng minh, thì giới hạn chứng minh chỉ rõ phương tiện, ranh giới của hoạt động chứng minh. Xác định đúng đối tượng chứng minh sẽ bảo đảm tính toàn diện cho hoạt động chứng minh của các chủ thể tiến hành tố tụng nhưng không thể nói đến tính đầy đủ của hoạt động đó nếu chúng ta không xác định được giới hạn chứng

minh. Việc xác định giới hạn chứng minh chính là xác định ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án ở mức độ vừa và đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Những vấn đề cần phải chứng minh được ghi rõ tại Điều 63 BLTTHS, còn giới hạn chứng minh không được luật xác định cụ thể. Luật chỉ qui định những vấn đề có tính nguyên tắc để điều chỉnh hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng theo đúng hướng. Tinh thần cơ bản của các nguyên tắc nói trên là phải thu thập đầy đủ chứng cứ, phải xem xét, đánh giá tất cả những chứng cứ thu được, để tạo cơ sở cho việc kết luận sự thật của toàn bộ vụ án, hay đối với từng vấn đề cụ thể trong từng vụ án, nhưng chỉ cần vừa đủ, tránh tràn lan hoặc thiếu chứng cứ.

Việc xác định giới hạn chứng minh là một việc rất khó khăn nhưng trong lý luận về chứng cứ cũng ít được đề cập tới. Tuy vậy, việc xác định giới hạn trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT có ý nghĩa rất quan trọng đối với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nhằm giải quyết đúng đắn, khách quan, toàn diện vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, những nguyên nhân sai sót chủ yếu của các cơ quan tiến hành tố tụng là không xác định đúng giới hạn chứng minh. Trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT, việc xác định không đúng giới hạn chứng minh thường thể hiện dưới hai dạng như quá hẹp không đủ để làm rõ những tình tiết cần phải chứng minh, hoặc quá rộng ngoài mức cần thiết gây lãng phí thời gian của những người tiến hành tố tụng. Nếu xác định giới hạn chứng minh quá hẹp, chứng cứ đưa ra chứng minh sẽ không đủ, dẫn tới không kết luận được vụ án, vì tình tiết cần được chứng minh chưa được làm rõ, nhận thức sai về một vấn đề nào đó trong vụ án, do các tình tiết dùng để chứng minh trong vụ án không được đảm bảo.

Do vậy chỉ cần thu thập, kiểm tra, đánh giá các chứng cứ vừa đủ để mọi người đều tin rằng quyết định của bản án là chính xác. Vì vậy, khi một vấn đề đã được làm rõ, thì không cần có thêm chứng cứ khác. Giới hạn những vấn đề cần phải chứng minh tuy không nêu thành một điều luật cụ thể riêng trong BLTTHS, nhưng cũng tại Điều 63 đã qui định bốn nhóm nội dung những vấn đề cần chứng minh. Việc xác định và chứng minh những nội dung cần phải chứng minh được qui định tại Điều 63 BLTTHS là vấn đề quyết định, đúng đắn cho việc giải quyết vụ án. Bởi, bốn nhóm

nội dung này chứa đựng đầy đủ các yếu tố về mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, khách thể, chủ thể của tội phạm, tức là chứng minh giải quyết được vụ án, đã xác định nội dung cơ bản nhất của giới hạn chứng minh.

Việc xác định giới hạn chứng minh là xác định ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đây là một vấn đề hết sức phức tạp, bởi mỗi vấn đề cần phải chứng minh lại có một hệ thống riêng những chứng cứ và nguồn của chúng. Vì vậy, khi chúng ta khẳng định vụ án ma túy đã thu thập đầy đủ các chứng cứ để chứng minh tội phạm thì các chứng cứ cần phải đáp ứng được các yêu cầu như: Mỗi hệ thống riêng các chứng cứ phải chứa đựng những chứng cứ đảm bảo xác định sự tồn tại của một tình tiết trung gian; số lượng các tình tiết trung gian đó phải đủ để xác định một trong những yếu tố của đối tượng chứng minh cũng như toàn bộ đối tượng chứng minh; tất cả các hệ thống riêng những tình tiết trung gian mà nó xác lập phải tạo thành một hệ thống chung và phải đáp ứng được yêu cầu của toàn bộ đối tượng chứng minh.

Như vậy nếu như đối tượng chứng minh là những tình tiết do luật định nói lên mục đích mà hoạt động chứng minh nhằm vào, thì phạm vi chứng minh là những tình tiết không do luật định nhưng phải được làm rõ để xác định đối tượng chứng minh, còn giới hạn chứng minh là khái niệm chỉ rõ khối lượng chứng cứ cần và đủ để xác định một cách khách quan, toàn diện các tình tiết có ý nghĩa đối với việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án hình sự.

1.4. Mục đích, ý nghĩa của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Mục đích của quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT là nhằm bảo vệ chế độ chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của tập thể, của công dân. Quan điểm này thể hiện ý chí của toàn Đảng, toàn dân, mà các cơ quan tiến hành tố tụng giữ vị trí hết sức quan trọng.

Mục đích cơ bản của hoạt động chứng minh trong vụ án ma túy là: Phát hiện nhanh chóng và xác định các loại tội phạm ma túy, đối tượng phạm tội một cách khách quan, toàn diện, xử lý công minh, ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội và không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, qua đó áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, đảm bảo tính cưỡng chế và mang tính giáo dục của nhà nước

góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Trách nhiệm của Cơ quan điều tra là phải áp dụng mọi biện pháp mà pháp luật đã quy định để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, làm sáng tỏ các yếu tố buộc tội cũng như gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đảm bảo nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam. Muốn thực hiện được điều đó thì Điều tra viên phải tiếp cận với hiện thực khách quan của vụ án, để làm sáng tỏ chân lý của vụ án trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT. Thực hiện được quy định đó cho phép Cơ quan điều tra giải quyết đúng đắn vụ án, và sẽ tác động đến kẻ phạm tội và những người khác về sự công minh của pháp luật.

Quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm: Phòng ngừa tội phạm là công việc của toàn xã hội, của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, công tác này đòi hỏi phải có những biện pháp tổng hợp về mặt kinh tế - xã hội, chính trị, tư tưởng và về mặt pháp luật. Trong công tác này Cơ quan điều tra giữ vai trò rất quan trọng, đó là thông qua việc giải quyết vụ án một cách đúng đắn và kịp thời; qua các vụ án, làm sáng tỏ nguyên nhân của tội phạm và các điều kiện thúc đẩy tội phạm phát sinh, có biện pháp nhằm loại trừ chúng; lôi cuốn toàn thể quần chúng nhân dân, đại biểu của các tổ chức xã hội, của các tập thể sản xuất tham gia vào quá trình giáo dục kẻ phạm tội. Việc thực hiện tốt chức năng tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng là cách tốt nhất làm nâng cao vai trò phòng ngừa tội phạm. Để thực hiện tốt các chức năng tố tụng thì việc bảo đảm quyền bào chữa cho bị cáo cũng là một việc có ý nghĩa hết sức quan trọng. Quyền bào chữa của bị cáo có thể được thực hiện bởi chính bị cáo, hoặc thông qua luật sư, song mọi trường hợp đều phải được tuân theo pháp luật. Nếu việc điều tra ma túy tiến hành chậm, không chính xác, hoặc bị oan, sai thì sẽ xảy ra những hậu quả tiêu cực không thể lường trước được. Căn cứ vào hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra mà Viện kiểm sát, Tòa án truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt hình phạt phù hợp nhằm không chỉ trừng trị kẻ phạm tội mà còn có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chính kẻ phạm tội hoặc những người khác phạm tội mới. Thông qua việc điều tra các vụ án ma túy, cơ quan điều tra còn làm rõ được nguyên nhân điều kiện dẫn tới tội phạm, phát hiện những sơ hở, yếu kém trong quá trình quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước, cũng như quản

lý xã hội làm điều kiện phát sinh tội phạm. Trên cơ sở đó kiến nghị với các cơ quan đó áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm, nhằm từng bước hạn chế và đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT suy cho cùng là để phát hiện tội phạm, người phạm tội nhằm trừng trị, cải tạo giáo dục người phạm tội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của các tổ chức và mọi công dân, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, mục đích của cơ quan điều tra phải đảm bảo công bằng xã hội, chống oan, sai, chống để lọt tội phạm, cho nên pháp luật TTHS đã qui định chặt chẽ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục điều tra trong các vụ án ma túy, mọi hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra đều phải dựa trên những qui định của pháp luật.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP MA TÚY

2.1. Quy định của Bộ luật TTHS 2003 về chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hình sự về thực chất là hoạt động chứng minh, bao gồm các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm làm rõ có hành vi phạm tội xảy ra hay không, ai là người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác giúp cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Chính vì như vậy đối với vấn đề chứng minh trong vụ án gần như bao trùm hết các vấn đề của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, do đó tác giả chỉ tiếp cận những quy định cơ bản nhất và liên quan trực tiếp đến hoạt động chứng minh, cụ thể như:

- Quy định chủ thể của hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án ma túy
- Quy định về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án ma túy
- Quy định về các chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT
- Quy định liên quan đến các bước của hoạt động chứng minh (thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ)

Trên cơ sở những quy định chung về hoạt động chứng minh theo Bộ luật TTHS 2003, đối với vấn đề về chứng minh trong điều tra tội phạm về mua bán trái phép chất ma túy, chúng ta cần hiểu rõ về đặc điểm của loại tội phạm và hành vi phạm tội này nhằm có những liên hệ cụ thể trong hoạt động chứng minh, phục vụ hiệu quả cho quá trình làm sáng tỏ vụ án.

2.1.1 Quy định về chủ thể của hoạt động chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Theo qui định của Hiến pháp và pháp luật TTHS, các Cơ quan điều tra (ngoài ra còn Viện kiểm sát và Tòa án) giữ vai trò chủ yếu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là đối với tội phạm ma túy. Các cơ quan này có nghĩa vụ "phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự của bị can, bị cáo". Như vậy chủ thể của quá trình chứng minh vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra là Điều tra viên (Kiểm sát viên có vai trò giám sát hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra, đảm bảo hoạt động đúng với pháp luật).

Chính vì vậy, BLTTHS Việt Nam đã quy định: "Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc chứng minh là mình vô tội".

Như vậy, nghĩa vụ chứng minh vụ án trong giai đoạn điều tra thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng mà chủ thể chính tiến hành tố tụng đó là Điều tra viên. LTTTHS quy định như vậy là có sự phân biệt khác nhau về quyền và nghĩa vụ trong toàn bộ hoạt động TTTHS, bởi lẽ việc chứng minh làm sáng tỏ mọi tình tiết của vụ án, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ xác định có tội và không có tội thì phải do cơ quan điều tra và trực tiếp là điều tra viên thực hiện. Những người tham gia tố tụng có quyền nhưng không buộc phải có nghĩa vụ chứng minh. Nói rộng hơn đó là nghĩa vụ chứng minh thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng xuất phát từ nguyên tắc công tố: Nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự như vậy Nhà nước phải có nghĩa vụ chứng minh.

Nghĩa vụ chứng minh ở giai đoạn điều tra chủ yếu do Cơ quan điều tra thực hiện mà đại diện là Điều tra viên trong quá trình thực hiện chứng minh vụ án hình sự ở giai đoạn điều tra theo quy định của pháp luật TTTHS thì Viện kiểm sát thực hiện quyền giám sát từ khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự do Cơ quan điều tra chuyển đến và từ đó xuất hiện mối quan hệ pháp lý giữa Viện kiểm sát mà người đại diện là Kiểm sát viên và Cơ quan điều tra mà người đại diện là Điều tra viên. Quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có tính phối hợp và chế ước. Trong quan hệ phối hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên phản ánh mối quan hệ tác động qua lại, quan hệ hai chiều trong quá trình tiến hành TTTHS trên cơ sở thông tin qua lại, trao đổi nhằm đạt được mục đích chung giải quyết vụ án trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, ở giai đoạn truy tố do Viện kiểm sát thực hiện mà chủ thể là Kiểm sát viên, ở giai đoạn xét xử do Tòa án thực hiện mà đại diện là Hội đồng xét xử (Thẩm phán và Hội thẩm).

Việc xác định sự thật của vụ án là một nguyên tắc rất quan trọng của LTTTHS, nhằm giải quyết vụ án được đúng sự thật, không để lọt kẻ phạm tội và không làm

oan người vô tội. Như vậy các cơ quan quan điều tra phải áp dụng mọi biện pháp nghiệp vụ theo qui định của pháp luật TTHS để xác định sự thật và làm rõ hành vi nguy hiểm cho xã hội của bị can, bị cáo, đồng thời phải xác định lỗi của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, và từ đó mới có cơ sở căn cứ để xác định bị cáo có tội hay không có tội, họ có phải chịu hình phạt hay không? nếu phải chịu hình phạt thì bị cáo phải chịu loại hình phạt nào, mức độ như thế nào. Việc xác định nghĩa vụ chứng minh trong vụ án hình sự liên quan đến các qui phạm trong BLTTHS, và các qui phạm trong các văn bản pháp luật khác của Nhà nước qui định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của cơ quan điều tra và các cơ quan có liên quan, cán bộ điều tra và người tham gia tố tụng.

Từ những quy định của pháp luật và những phân tích trên, khẳng định rằng nghĩa vụ chứng minh trong VAMBTPCMT hoàn toàn thuộc về cơ quan điều tra mà những người tiến hành tố tụng trực tiếp Điều tra viên và giám sát là Kiểm sát viên.

2.1.2 Quy định về đối tượng chứng minh đối với tội phạm mua bán trái phép ma túy trong giai đoạn điều tra

Bộ luật TTHS 2003 của nước ta đã xác định đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự nói chung tại Điều 63: Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án phải chứng minh:

1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;
2. Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;
3. Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;
4. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Mục đích của quá trình chứng minh trong vụ án phạm tội mua bán ma túy nói riêng và vụ án hình sự nói chung là nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án đã xảy ra trong thực tế. Để đạt được mục đích này đòi hỏi các Cơ quan điều tra thuộc lực lượng phòng chống tội phạm ma túy phải xác định được những vấn đề phải chứng minh trong vụ án đã được qui định cụ thể tại Điều 63 BLTTHS năm 2003 và gắn với những quy định về tội phạm ma bán ma túy được quy định tại điều 194

BLHS. Để nghiên cứu một cách toàn diện những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án, chúng ta có thể chia những vấn đề cần phải chứng minh thành các nhóm và từ đó làm rõ, cụ thể như sau:

* **Nhóm một:** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm mua bán trái phép chất ma túy.

* **Nhóm hai:** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt.

* **Nhóm ba:** Nhóm tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với VAMBTPCMT.

Những vấn đề phải chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT ở nước ta là một hệ thống các tình tiết có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Quá trình chứng minh trong điều tra vụ án muốn đạt được chân lý khách quan đòi hỏi các cơ quan điều tra (có sự tham gia giám sát của Viện kiểm sát), cụ thể là những điều tra viên (kể cả kiểm sát viên) phải nắm rõ những vấn đề cần phải chứng minh thuộc cả ba nhóm trên và phải vận dụng chúng vào việc chứng minh VAMBTPCMT, từng trường hợp cụ thể nhằm thu thập chứng cứ, đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo giới hạn của quá trình chứng minh trong vụ án hình sự. Vì vậy, cần phải nghiên cứu và làm rõ từng nhóm của đối tượng chứng minh đối với loại tội phạm này.

2.1.2.1. Những vấn đề cần phải chứng minh thuộc các yếu tố cấu thành tội phạm

Đối với tội phạm mua bán trái phép ma túy, hành vi biểu hiện phạm tội được luật quy định cụ thể đó là bán trái phép chất ma túy cho người khác; mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác, vận chuyển chất ma túy để bán trái phép cho người khác; xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; dùng chất ma túy để trao đổi, thanh toán,... trái phép; tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy để bán lại trái phép cho người khác. Nếu người nào đó có hành vi chào bán trái phép chất ma túy, thoả thuận mua bán về giá cả, địa điểm thời gian để tiến hành việc mua bán nhưng chưa thực hiện được việc bán thì cấu thành tội phạm này ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Đây là định nghĩa khoa học mang tính lập pháp về loại tội phạm và tội phạm ma túy, thể hiện tập trung nhất quán quan điểm của Nhà nước ta về loại tội phạm

này, đồng thời cũng là tiêu chí cơ bản để phân biệt tội phạm mua bán ma túy với các vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm pháp luật dân sự, các loại tội phạm khác... và là cơ sở thống nhất cho việc xác định tội phạm mua bán trái phép chất ma túy giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng xác định được những hành vi mua bán trái phép ma túy là nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, từ đó thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình xử lý tội phạm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Trong quá trình chứng minh VAMBTPCMT, sau khi đã thu thập được đầy đủ chứng cứ xác định các tình tiết của vụ án, cơ quan điều tra cần phải đánh giá và nhận định hành vi của người đó có đã được xem là tội phạm hay chưa, có dấu hiệu của tội mua bán ma túy hay chưa, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi đến đâu, người phạm tội đó có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự không. Việc thu thập chứng cứ để trả lời được các câu hỏi đó chính là cơ sở để giải quyết vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự và định tội danh của người đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy gây nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm mua bán trái phép ma túy.

Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm bao gồm:

- Khách thể của tội phạm trong VAMBTPCMT: "Khách thể của tội phạm là các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại".

Trong thực tiễn điều tra bất kỳ một hành vi nào bị coi là tội phạm thì cũng đều xâm phạm đến một quan hệ xã hội nhất định trong hệ thống các quan hệ xã hội, gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cụ thể cho quan hệ xã hội đó, thiệt hại có thể là vật chất hoặc phi vật chất.

Đối với tội mua bán trái phép ma túy thì khách thể của tội phạm là tội phạm xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy xâm phạm đến sức khoẻ, danh dự, phẩm chất của mỗi con người, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, nó còn cản trở đến sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ngoài ra chính khách thể của tội phạm là cơ sở để phân loại các loại tội phạm với nhau, trong trường hợp này đó là tội phạm mua bán trái phép ma túy với các loại tội phạm ma túy khác và tội phạm khác. Chính vì vậy, khách thể của tội phạm mua bán trái phép ma túy là một căn cứ quan trọng để phân biệt tội phạm này với các loại tội phạm khác và vi phạm pháp luật khác.

Khách thể của tội phạm mua bán trái phép ma túy là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm này cùng với ba yếu tố khác của cấu thành tội phạm như: Mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan là cơ sở để đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự của một người. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát muốn chứng minh là có hành vi tội phạm xảy ra hay không, thì một trong những vấn đề cần phải chứng minh và làm rõ là khách thể nào bị xâm phạm.

Quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT yêu cầu các cơ quan điều tra phải thu thập chứng cứ để xác định đúng từng khách thể: Khách thể chung là toàn bộ các quan hệ xã hội được các qui phạm pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm nhưng bị tội phạm này xâm hại đến và gây nên thiệt hại đáng kể nhất định; khách thể loại là một nhóm các quan hệ xã hội có cùng tính chất được một nhóm qui phạm pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của các tội phạm cùng loại nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên thiệt hại đáng kể nhất định, ở đây là nhóm hành vi liên quan đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy; khách thể trực tiếp là một quan hệ xã hội cụ thể được một quy phạm pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên, cụ thể đó là hoạt động mua bán ma túy. Khi chứng minh làm rõ khách thể của tội phạm mua bán trái phép ma túy thì các cơ quan điều tra sẽ có cơ sở để khẳng định là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện có phải là bị luật hình sự cấm hay không. Vì vậy, khi các cơ quan điều tra xác định đúng khách thể chung, khách thể loại hoặc khách thể trực tiếp của tội phạm mua bán trái phép ma túy thì sẽ khẳng định được là hành vi này là nguy hiểm cho xã hội và tiến hành các biện pháp đấu tranh, xử lý hành vi phạm tội đúng pháp luật.

- Mặt khách quan của tội phạm trong vụ án hình sự:

Mặt khách quan của tội phạm là mặt biểu hiện bên ngoài của tội phạm, là những biểu hiện của tội phạm ra thế giới khách quan bao gồm: Hành vi nguy hiểm

cho xã hội (hành động và không hành động), hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi đó gây ra, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội, công cụ, thủ đoạn, phương tiện phạm tội).

Biểu hiện của tội phạm mua bán trái phép ma túy ra bên ngoài bao gồm: Hành vi mua bán trái phép ma túy, hậu quả nguy hiểm của hành vi cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Bất cứ một tội phạm nào cũng đều phải có những biểu hiện bên ngoài, không có biểu hiện bên ngoài thì sẽ không có yếu tố khác của tội phạm và do vậy không có tội phạm. Đối với loại tội phạm này, các hành vi biểu hiện gồm: bán trái phép chất ma túy cho người khác; mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác, vận chuyển chất ma túy để bán trái phép cho người khác; xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; dùng chất ma túy để trao đổi, thanh toán,... trái phép; tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy để bán lại trái phép cho người khác.

Khi có hoạt động mua bán trái phép ma túy xảy ra, các cơ quan điều tra về tội phạm ma túy phải chứng minh các tình tiết thuộc về mặt khách quan của tội phạm như: Hành vi mua bán trái phép ma túy, chủ thể của hành vi này có nhận thức được việc phạm tội không, hành vi đó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình bảo vệ hay không, biểu hiện cụ thể của hành vi như thế nào.

Ngoài các dấu hiệu cần phải chứng minh nêu trên, Cơ quan điều tra phải chứng minh các biểu hiện khác thuộc về mặt khách quan của tội phạm như:

Thời gian, địa điểm, tính chất của vụ việc phạm tội; Động cơ, mục đích của người phạm tội; Lý lịch, tiểu sử, nhân thân của các đối tượng; Các chất ma túy đối tượng sử dụng phạm pháp; Phương tiện, công cụ đối tượng dùng để hoạt động; Thủ đoạn, quy luật hoạt động của bọn tội phạm; Địa bàn hoạt động của bọn tội phạm; Tài sản có được trong quá trình hoạt động phạm pháp của đối tượng.

Trong vụ án có nhiều người tham gia, các cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh được hành vi phạm tội của tất cả các đối tượng tham gia phạm tội và vai trò của từng người trong vụ đồng phạm đó, tức là chứng minh kẻ nào là kẻ cầm đầu, xúi giục, tổ chức, giúp sức và thực hiện. Có chứng minh được vai trò của từng

người thì khi xét xử mới đảm bảo được chính xác, vì trong vụ đồng phạm, động cơ, mục đích của mỗi kẻ phạm tội có thể là khác nhau.

- Những vấn đề phải chứng minh về chủ thể của tội phạm trong VAMBTPCM

Trong lý luận khoa học hình sự, chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do luật hình sự qui định.

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án về ma túy đòi hỏi khi tiến hành điều tra, các cơ quan điều tra phải chứng minh ai là người đã thực hiện tội phạm. Việc chứng minh ai là người phạm tội cần phải hết sức thận trọng, không được thỏa mãn với những tài liệu về hiện tượng bên ngoài rồi suy đoán. Lời khai của kẻ phạm tội không phải là lý do cơ bản để coi nhẹ các chứng cứ khác. Trong thực tế bị cáo có thể khai nhận tội trái với sự thật khách quan do nhiều nguyên nhân như bị mớm cung, bức cung...

Ngoài việc chứng minh ai là chủ thể của tội phạm, cần phải chứng minh được người thực hiện phạm tội mua bán ma túy đó có tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay chưa. Việc chứng minh người thực hiện hành vi nguy hiểm đạt độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, là vấn đề quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình chứng minh vụ án hình sự. Căn cứ vào độ tuổi của chủ thể thực hiện tội phạm, cơ quan điều tra sẽ xác định được họ có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện hay không.

Để chứng minh thì cơ quan tiến hành tố tụng cần phải dựa vào các tài liệu như: Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân... có ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh hoặc sổ hộ khẩu của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra khi chứng minh làm rõ vụ án về mua bán ma túy, nhằm phục vụ cho việc nhận định đúng đắn về vụ án, về đối tượng vụ án, các cơ quan điều tra còn phải chứng minh rõ dấu hiệu chủ thể của tội phạm mua bán trái phép ma túy cũng cần lưu ý đến tình tiết loại trừ tại điều 13 của BLHS, nếu như điều tra viên phát hiện thấy người thực hiện hành vi mua bán ma túy mà có các biểu hiện: họ có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần kinh niên hoặc rối loạn tâm thần tạm thời, lúc nhớ, lúc quên, họ không đánh giá được ý nghĩa xã hội hành vi của mình... thì cần thiết phải thu thập chứng cứ để chứng

minh bằng cách trưng cầu giám định, xác minh để xác định đúng tình trạng bệnh tật của họ.

Theo qui định của luật hình sự thì bên cạnh việc cơ quan điều tra xác định người phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi qui định mà còn có thêm một số đặc điểm khác có tính đặc thù gọi là chủ thể đặc biệt, từ đó làm căn cứ để cơ quan điều tra và các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp theo định tội danh hoặc định khung hình phạt.

Vì vậy cơ quan điều tra phải chứng minh được trong vụ án phạm tội về mua bán trái phép ma túy có chủ thể của tội phạm và năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự của họ, từ đó mới đảm bảo quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn truy tố và xét xử của Viện kiểm sát và Tòa án nhằm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Những vấn đề phải chứng minh thuộc về mặt chủ quan của tội phạm mua bán trái phép ma túy

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, là trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi phạm tội và hậu quả phạm tội, bao gồm các dấu hiệu lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội.

Các dấu hiệu này có ý nghĩa và vị trí khác nhau trong các cấu thành tội phạm. Lỗi được biểu hiện dưới dạng lỗi cố ý và lỗi vô ý. Đây là dấu hiệu bắt buộc của bất kỳ cấu thành tội phạm nào. Động cơ phạm tội là nhân tố bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm. Động cơ phạm tội chỉ có trong những trường hợp phạm tội cố ý. Mục đích phạm tội được hình thành trong ý thức của người phạm tội và người phạm tội mong muốn đạt được điều đó trên thực tế bằng cách thực hiện tội phạm. Mục đích phạm tội chỉ có với những tội phạm được thực hiện do cố ý trực tiếp.

Đối với tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, đây là Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, vì chủ quan hoặc do háms lợi kinh tế đã dẫn đến vi phạm pháp luật.

Khi tiến hành điều tra vụ án, các cơ quan điều tra phải chứng minh được những dấu hiệu thuộc về mặt chủ quan của tội phạm để xác định: Khi gây án người đó có nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội hay không, khi hậu

quả đã xảy ra có biện pháp ngăn chặn hậu quả không. Chính vì vậy việc chứng minh hình thức lỗi của người thực hiện tội phạm là căn cứ để đánh giá đúng tội danh của các bị can, bị cáo.

Theo quy định của BLHS tại khoản 1 điều 9 về Cố ý phạm tội: Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Đây là những quy định về lỗi cố ý trực tiếp. Lỗi cố ý của tội phạm mua bán trái phép ma túy luôn là lỗi cố ý trực tiếp, cơ quan điều tra dựa vào ý chí và lý trí của người phạm tội xác định vấn đề này. Trên thực tế vì hám lợi người phạm tội cố ý trực tiếp và mong muốn hậu quả xảy ra, không có trường hợp cố ý gián tiếp đối với người phạm tội mua bán MT. Chính vì vậy điều tra viên cần phải chứng minh được mục đích phạm tội và động cơ phạm tội của người phạm tội đối với hành vi mua bán trái phép ma túy với lỗi cố ý trực tiếp.

Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm mua bán trái phép ma túy, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự và định tội danh. Khi tiến hành chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải chứng minh được các tình tiết nằm trong các yếu tố cấu thành của loại tội phạm này. Đây là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm hình sự và định tội danh đối với người phạm tội.

2.1.2.2 Những vấn đề cần phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt

Quá trình chứng minh trong điều tra vụ án ma túy, ngoài việc chứng minh các yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra cần phải chứng minh các tình tiết khác trong đó có những tình tiết dẫn đến miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị can, bị cáo theo qui định tại Điều 25, 54 BLHS năm 1999. Cụ thể: Điều 25. Miễn trách nhiệm hình sự. Điều 54: Miễn hình phạt

Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự

Như vậy trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt không có nghĩa là xác định không có tội phạm xảy ra. Vì vậy, để chứng minh và áp dụng đúng những qui định trên chúng ta cần nghiên cứu những dấu hiệu cụ thể mà các cơ quan

tiến hành tổ tụng hình sự cần áp dụng để đưa ra những kết luận đảm bảo phù hợp với qui định của pháp luật.

*** Trường hợp miễn trách nhiệm hình sự:** "Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà người đó đã thực hiện". Miễn trách nhiệm hình sự là miễn cho người phạm tội nghĩa vụ phải chịu những hậu quả pháp lý mà lẽ ra họ phải chịu về hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Người được miễn trách nhiệm hình sự là người đã thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật hình sự coi là tội phạm, nhưng không phải chịu hậu quả pháp lý do hành vi đó gây ra khi có đầy đủ các căn cứ và điều kiện cần thiết do pháp luật quy định.

*** Trường hợp miễn hình phạt:** Miễn hình phạt là không buộc một người phải chịu hình phạt về tội mà người đó đã thực hiện. Theo luật TTHS Việt Nam thì chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định miễn hình phạt cho bị cáo. Đây là trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điều 46 BLHS, trường hợp đáng được khoan hồng nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự. Các trường hợp này thông thường là những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nhưng trong trường hợp cụ thể không nghiêm trọng lắm, không có tình tiết tăng nặng đáng kể mà lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội lần đầu; phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức; phạm tội do trình độ nhận thức kém... sau khi bị phát giác đã thành khẩn khai báo, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc tự thú... nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự. Đối với loại tội phạm mua bán ma túy vẫn xảy ra các trường hợp này, tuy nhiên thường do nhận thức của nhân dân đối với hành vi phạm tội này.

*** Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo**

Trong quá trình chứng minh làm rõ vụ án mua bán trái phép ma túy, các cơ quan điều tra cần phải lưu ý qui định tại Điều 46, 48 BLHS năm 2009, trong những tình tiết có ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mua bán ma túy, có tình tiết làm cho các hành vi phạm tội này trở nên ít nguy hiểm hơn hoặc trở nên nguy hiểm hơn so với các trường hợp không có các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ. Vì vậy khi chứng minh vụ án ma túy, các cơ quan điều tra cần phải thu thập

chứng cứ căn cứ vào các qui định của Điều 46 và 48 BLHS để xem người có phạm tội có những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nào, cần phải chứng minh làm rõ các tình tiết đó. Những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ có tác dụng cho phép xử nặng hay nhẹ trong một khung hình phạt nhất định, trong khung hình phạt với giới hạn thấp nhất và cao nhất mà điều luật đã qui định, tương ứng với một trường hợp cụ thể đã được xác định. Căn cứ vào những nội dung chứng minh này khi giải quyết vụ án đó Tòa án quyết định hình phạt phù hợp với người phạm tội mua bán ma túy.

Trong quá trình chứng minh vụ án mua bán trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra cần phải phân biệt rõ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, với các tình tiết được dùng làm dấu hiệu cấu thành một tội phạm, và các tình tiết chuyển khung cơ bản sang khung có hình phạt nặng hơn, hoặc sang khung hình phạt nhẹ hơn của cùng một tội phạm được qui định ở những khoản khác nhau tương ứng với các khung tăng nặng, hay khung giảm nhẹ trong cùng một điều luật. Nhưng cũng cần lưu ý rằng những tình tiết đã định khung hình phạt thì không được coi là những tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nữa.

Việc chứng minh được đầy đủ các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp cho Tòa án quyết định hình phạt.

Trong quá trình chứng minh vụ án, nếu hành vi của người phạm tội mua bán ma túy có cả tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì cán bộ điều tra phải căn cứ vào các tính chất và ý nghĩa của các tình tiết đó, sau đó đánh giá tổng hợp rồi so sánh, đối chiếu với nhau, từ đó rút ra kết luận và chuyển Viện kiểm sát, Tòa án tiếp tục giải quyết.

**** Những đặc điểm về nhân thân của người phạm tội***

Nhân thân của người phạm tội trong BLHS Việt Nam được biểu hiện là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội, có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn trách nhiệm hình sự của họ, những đặc điểm đó có thể là: tuổi, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, tôn giáo, lối sống, hoàn cảnh gia đình và đời sống kinh tế, thái độ chính trị, ý thức pháp luật, tiền án, tiền sự... Nhân thân của người phạm tội mua bán ma túy tuy không phải là yếu tố cấu thành tội phạm nhưng những đặc điểm về nhân thân của họ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định trách nhiệm

hành sự của người phạm tội. Các cơ quan điều tra muốn giải quyết đúng đắn vụ án thì đòi hỏi phải thu thập đầy đủ các chứng cứ về nhân thân của người phạm tội.

Tại giai đoạn điều tra, việc nắm rõ được nhân thân người phạm tội cho phép Cơ quan điều tra có cơ sở để xác định phương pháp, phương hướng, chiến thuật, biện pháp điều tra. Từ những thông tin này, giai đoạn xét xử, các tài liệu về nhân thân người phạm tội sẽ giúp cho Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định tội phạm và quyết định hình phạt.

Trong điều tra vụ án, thu thập chứng cứ để chứng minh về nhân thân của người phạm tội mua bán ma túy là một trong công việc hết sức quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình chứng minh VAMBTPCMT. Nhân thân người phạm tội không có ý nghĩa trong việc định tội danh nhưng có ý nghĩa trong việc lượng hình. Nhân thân người phạm tội cũng là một trong những căn cứ quan trọng để cá thể hóa hình phạt.

2.1.2.3. Những tình tiết khác có giá trị chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Những tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án mua bán trái phép chất ma túy là những tình tiết không nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm, đồng thời cũng không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt nói chung, nhưng lại có giá trị chứng minh nhất định đối với vụ án. Nếu cơ quan điều tra chứng minh được các tình tiết đó sẽ giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đảm bảo đúng đắn, chính xác, khách quan và toàn diện.

Ví dụ: Mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, bị cáo, với người liên quan, người làm chứng..., tài liệu, vũ khí, phương tiện ở hiện trường hoặc đang do người khác quản lý.

Nếu không đưa những tình tiết nêu trên vào những nội dung cần phải chứng minh trong vụ án thì có thể dẫn tới việc có thể bỏ sót, bỏ lọt những tình tiết quan trọng làm sáng tỏ nội dung vụ án. Luật hình sự quy định, đòi hỏi các cơ quan điều tra phải tiến hành phát hiện, xử lý vụ án một cách nhanh chóng, chính xác và đầy đủ các hành vi phạm tội, có nghĩa là luật cũng cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng các biện pháp, phương tiện do pháp luật quy định để chứng minh tất cả các tình tiết có liên quan đến tội phạm dù mỗi tình tiết có ý nghĩa, giá trị khác nhau đối với vụ án.

Trong vụ án về mua bán ma túy không phải lúc nào mọi sự việc, hiện tượng... có thật dùng làm chứng cứ đều phải có chứng cứ khác chứng minh mà chỉ có sự việc, hiện tượng... nào mà cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá thấy chưa rõ ràng, chưa vững chắc, cần thiết phải làm sáng tỏ, phải củng cố thêm mới cần phải sử dụng chứng cứ khác để chứng minh nó. Phạm vi, đối tượng chứng minh này rộng hay hẹp phải tùy thuộc vào sự quan tâm, đánh giá của điều tra viên. Các cơ quan điều tra cần phải quan tâm đúng mức trong quá trình chứng minh vụ án hình sự đối với đối tượng chứng minh này, vì chính đây là một hình thức kiểm tra, ghi nhận, đánh giá chứng cứ có tính chất quyết định trong việc xác định tội phạm, người thực hiện tội phạm, định tội danh, quyết định hình phạt hay áp dụng các biện pháp tư pháp khác.

Tóm lại, chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT được chính xác, khách quan, toàn diện, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải coi trọng đầy đủ cả ba nhóm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm: Nhóm những vấn đề chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm, nhóm những vấn đề chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự, hình phạt và nhóm những tình tiết khác có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự.

Các nhóm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự phải được Cơ quan điều tra vận dụng để dựa vào đó chứng minh trong từng điều kiện, hoàn cảnh, trong từng vụ án cụ thể, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật TTHS; tạo điều kiện cho các cơ quan điều tra (sau này là Viện kiểm sát và Tòa án) thực hiện các giai đoạn của quá trình chứng minh trong vụ án hình sự, nhằm thu thập chứng cứ đảm bảo tính khoa học, không bị tràn lan hoặc thiếu sót. Khi nào Cơ quan điều tra thu thập được đầy đủ các chứng cứ, các tình tiết của VAMBTPCMT thì Tòa án mới có đầy đủ cơ sở để định tội danh và áp dụng hình phạt chính xác, đúng pháp luật, đảm bảo pháp chế XHCN, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2.1.3 Quy định về các chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT

Trong quá trình tiến hành chứng minh làm rõ vụ án, Cơ quan điều tra muốn làm sáng tỏ và có kết luận chính xác về hành vi phạm tội đã xảy ra, con người cụ thể thực hiện hành vi đó, thì phải dựa vào những tài liệu quan trọng và là duy nhất để chứng minh sự kiện pháp lý, đó là chứng cứ.

Dựa vào Điều 8 BLHS 2009 có thể khái quát về tội phạm: " Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa".

Hành vi phạm tội là hành vi đã thực tế xảy ra trong thế giới khách quan và là một hiện tượng thuộc thế giới khách quan. Hành vi phạm tội khi được thực hiện đều để lại những dấu vết nhất định trong thế giới khách quan, đó có thể là những dấu vết vật chất hoặc là những dấu vết phi vật chất (là những tình tiết của vụ án được phản ánh vào ý thức của những người biết tình tiết đó), dựa vào các dấu vết này, con người mới có thể nhận thức được về hành vi phạm tội với tất cả các dấu hiệu của nó. Những dấu hiệu này, trong TTHS, khi được cơ quan điều tra thu thập một cách hợp pháp, dùng để xác định sự thật của vụ án, xác định tội phạm và để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự được gọi là chứng cứ. Như vậy, chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, là căn cứ để các cơ quan điều tra tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Do ý nghĩa đặc biệt của chứng cứ trong TTHS nên những qui định của pháp luật về chứng cứ cũng có vị trí quan trọng trong LTTTHS Việt Nam. Vì vậy, LTTTHS 2003 Việt Nam đã quy định:

"Điều 64 : 1. Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án....."

Đối với tội phạm về mua bán trái phép ma túy, chứng cứ được cơ quan điều tra xem là mấu chốt để làm sáng tỏ vụ án, cụ thể như vật chứng là ma túy, trong vụ án này chứng cứ quan trọng nhất vẫn là chất ma túy. Chứng cứ về ma túy là yếu tố quyết định nhiều nội dung trong quá trình xử lý vụ án, tất nhiên không phải là tất cả mà còn nhiều chứng cứ khác, do đó cơ quan điều tra cần phải nghiên cứu xem xét và đánh giá chứng cứ một cách toàn diện.

Khi cơ quan điều tra làm rõ vụ án, thì quá trình thực hiện hành vi phạm tội mua bán ma túy của bị can, bị cáo là quá trình diễn ra trong quá khứ. Muốn hình dung ra diễn biến của hành vi đó thì phải dựa vào việc phân tích và đánh giá đúng đắn những sự kiện, tài liệu đã thu thập được. Nếu những sự kiện đó chính xác thì Điều tra viên sẽ có cơ sở để kết luận tính chính xác và làm sáng tỏ về hành vi phạm tội đã xảy ra và ai là kẻ phạm tội; những sự kiện tài liệu được dùng để chứng minh hành vi phạm tội đã xảy ra, được gọi là chứng cứ. Chứng cứ phải đảm bảo các thuộc tính như:

- **Tính khách quan:** Chứng cứ phải là những gì có thật. Những gì có thật được hiểu là những sự vật, hiện tượng đã xảy ra, đã tồn tại trong thế giới khách quan, phản ánh đúng thực tế khách quan. Chứng cứ tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người, những gì chỉ do con người tưởng tượng, phỏng đoán hoặc các sự vật, hiện tượng đã bị làm sai lệch, không phản ánh đúng thực tế khách quan thì không phải là chứng cứ. Chứng cứ là phương tiện để xác định sự thật của vụ án. Vì vậy, muốn xác định được sự thật khách quan thì chứng cứ phải đảm bảo tính khách quan.

- **Tính liên quan:** Tính liên quan của chứng cứ được thể hiện trong mối liên hệ giữa chứng cứ với những vấn đề cần chứng minh trong vụ án. Nếu một sự vật, hiện tượng trực tiếp hay gián tiếp xác định tình tiết này hay tình tiết khác của đối tượng chứng minh thì sự vật, hiện tượng đó có liên quan đến vụ án. Không phải mọi sự vật, hiện tượng có thật nào cũng trở thành chứng cứ trong vụ án, chỉ có những gì "mà các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội cũng như các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án" mới liên quan đến vụ án và có thể là chứng cứ trong vụ án.

- **Tính hợp pháp:** Tính hợp pháp là thuộc tính về hình thức của chứng cứ. Chứng cứ phải được thu thập theo trình tự luật định. Không chỉ đảm bảo tính hợp pháp về trình tự thu thập, nói đầy đủ hơn, tính hợp pháp của chứng cứ còn thể hiện ở chỗ chứng cứ phải được thu thập từ những phương tiện chứng minh theo luật định và quá trình chứng minh đó phải được những người có thẩm quyền tiến hành theo đúng những qui định của pháp luật. Luật nghiêm cấm những việc làm trái pháp luật có thể ảnh hưởng đến giá trị chứng minh và giá trị pháp lý của chứng cứ như bức cung, mớm cung, dùng nhục hình v.v...

Ví dụ: Ngày 24/6/2011, đội CSPCTP về ma túy công an quận Thủ Đức xác lập chuyên án số 266H. Hồi 20h30 ngày 26/6/2011 đã điều tra, khám phá và bắt Chu Hoài Bắc, sinh năm 1981 trú tại 50C Đường 12 - phường Linh Trung - Quận Thủ Đức – Hồ Chí Minh trên đường Ngô Chí Quốc, thu 14 gói heroin. Thủ đoạn của đối tượng là dùng điện thoại di động hẹn khách hàng, cho heroin vào lòng bàn tay, dùng xe máy để di chuyển đến nơi giao hàng, mục đích là nếu bị phát hiện sẽ thả heroin xuống đất phi tang. Thế nhưng lực lượng làm nhiệm vụ đã cảnh giác và bắt quả tang khi đối tượng chưa kịp tẩu tán tang vật.

Thông qua vụ án trên ta thấy nếu như Cơ quan cảnh sát PCTP về Ma túy không chủ động, kịp thời bắt giữ đối tượng trước khi phi tang vật chứng, thì trong quá trình đấu tranh, điều tra làm rõ hành vi phạm tội gặp nhiều khó khăn và có thể không đủ căn cứ để định tội. Qua đó chúng ta thấy rõ được vai trò của chứng cứ là hết sức quan trọng. Chứng cứ là phương tiện quan trọng cơ sở kết nối và để tái tạo lại toàn bộ diễn biến của hành vi phạm tội, thể hiện ai là kẻ phạm tội, giúp cho những người tiến hành tố tụng đánh giá đúng đắn, chính xác những sự kiện, tài liệu đã thu thập được.

Nghiên cứu về loại tội phạm mua bán ma túy, chúng ta thấy mỗi đối tượng phạm tội đều thực hiện hành vi với nhiều thủ đoạn khác nhau và để lại các dấu vết, chứng cứ trong một khoảng không gian, thời gian nhất định, đồng thời nó cũng để lại những hậu quả cho xã hội ở từng phạm vi và góc độ nhất định. Để tái tạo lại bức tranh toàn cảnh hành vi và thủ đoạn phạm tội của loại tội phạm này xảy ra Cơ quan điều tra phải dựa vào chứng cứ. Từ các chứng cứ thu thập được sẽ giúp đảm bảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng xác định được sự thật khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo nguyên tắc tố tụng là không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Chứng cứ luôn luôn tồn tại một cách khách quan, trong quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT thì chứng cứ có vai trò lần lượt chứng minh và căn cứ để làm rõ hành vi phạm tội. Muốn thực hiện quá trình chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào chứng cứ và sử dụng chứng cứ làm phương tiện để chứng minh vụ án. Vì vậy, chứng cứ có vai trò rất quan trọng và có tính quyết định đối với quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT. Nếu thu thập,

đánh giá chứng cứ đúng thì quá trình chứng minh sẽ đúng, nếu thu thập, đánh giá chứng cứ sai sẽ dẫn đến quá trình chứng minh sai.

2.1.4 Quy định liên quan đến các bước hoạt động chứng minh cụ thể: thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT.

Bên cạnh những quy định chung đối với hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ tại điều 64, 65 và 66 BLHS, thì trong quá trình chứng minh VAMBTPCMT cơ quan điều tra cần phải chú ý đến đặc điểm của từng loại nguồn chứng cứ và những quy định của pháp luật đối với từng loại nguồn chứng cứ, chúng ta tiếp cận dưới ba góc độ, cụ thể:

- Đối với các chứng cứ từ lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong vụ án

- Đối với loại lời khai từ người làm chứng, người bị hại và những người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến vụ án

- Đối với vật chứng, kết luận giám định, biên bản hoạt động điều tra, các tài liệu đồ vật khác trong vụ án.

Từ các góc độ này, chúng ta dễ dàng tiếp cận, đánh giá và phân tích cụ thể từng hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng đối với từng loại chứng cứ. Đồng thời liên hệ hiệu quả trong quá trình chứng minh VAMBTPCMT của cơ quan điều tra.

- Đối với các chứng cứ từ lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong vụ án. Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định tại điều 131: “Việc hỏi cung bị can phải do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở của người đó. Trước khi hỏi cung, Điều tra viên phải đọc quyết định khởi tố bị can và giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật này. Việc này phải được ghi vào biên bản. Nếu vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can tự viết lời khai của mình..... Không hỏi cung vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản....”

Việc ghi nhận lời khai các đối tượng mua bán ma túy, điều tra viên phải tôn trọng các quy định này. Trong thực tế việc lấy lời khai các đối tượng này khó khăn

và phức tạp hơn nhiều, có nhiều đối tượng tuyệt đối không khai nhận hành vi phạm tội hoặc khai nhận lòng vòng, tránh né những câu hỏi của điều tra viên... những vấn đề này thường làm cho cơ quan điều tra và điều tra viên tốn nhiều thời gian và công sức. Những sai sót ở hoạt động lấy lời khai bị can chứng minh trong giai đoạn điều tra đối với loại tội này, là một trong lý do cho cơ quan điều tra không thể mở rộng được vụ án, làm bỏ sót tội phạm. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra cần phải tuân thủ tuyệt đối quy định về việc lấy lời khai bị can, chứng cứ chỉ có giá trị khi việc thu thập đúng pháp luật.

Bên cạnh đó việc lấy lời khai của các bị can trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy phải tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại điều 132 BLTTHS về Biên bản hỏi cung bị can. Như vậy Việc kiểm tra, đánh giá và sử dụng lời khai của bị can nhằm làm rõ vụ án mua bán trái phép chất ma túy phải căn cứ theo quy định trên. Và trong mọi trường hợp, cơ quan điều tra đều phải xác minh, kiểm tra chứng cứ từ lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo trước khi đánh giá, sử dụng. có nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau, nhưng đối với tội phạm mua bán ma túy thì cơ quan điều tra cần phải căn cứ vào đặc điểm tính chất vụ án, nhân thân người phạm tội..... để chọn phương pháp tối ưu nhất. Thông thường thì các điều tra viên lựa chọn phương pháp so sánh đối chiếu lời khai. Những lời khai sau được so sánh đối chiếu với lời khai trước đó, lời khai của đối tượng này so sánh với lời khai đối tượng khác.... để từ đó kiểm tra, đánh giá chứng cứ.

- Đối với loại lời khai từ người làm chứng, người bị hại và những người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến VAMBTPCMT.

Bộ luật TTHS đã quy định về việc triệu tập người làm chứng trong giai đoạn điều tra vụ án, trình tự thủ tục lấy lời khai người chứng. Cụ thể Điều 135 Lấy lời khai người làm chứng: “Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra hoặc nơi cư trú, nơi làm việc của người đó. Nếu vụ án có nhiều người làm chứng thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để cho họ tiếp xúc với nhau trong thời gian lấy lời khai..... Khi lấy lời khai của người làm chứng dưới 16 tuổi phải mời cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp khác hoặc thầy giáo, cô giáo của người đó tham dự...”

Trong VAMBTPCMT, lời khai người làm chứng là một trong những nguồn chứng cứ phổ biến nhất. Việc làm chứng trước pháp luật là nghĩa vụ của công dân và trách nhiệm với xã hội. Tuy nhiên, vì tính chất nguy hiểm của loại tội phạm mua bán ma túy, nên người làm chứng sợ nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe. Nên điều tra viên trong quá trình chứng minh, lấy lời khai người làm chứng cần phải nắm bắt tâm lý, hiểu tâm tư nguyện vọng và có phương pháp nhằm giúp họ tích cực cung cấp thông tin vụ án một cách chính xác. Bên cạnh đó điều tra viên cần lưu ý, lấy lời khai các đối tượng có nhược điểm về thần kinh thể chất hoặc người chưa đủ tuổi, hạn chế về ngôn ngữ, trình độ... cần phải có phương pháp thích hợp đối với từng loại đối tượng và tuân thủ theo luật định. Cũng như người làm chứng, đối với các đối tượng người bị hại và những người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến VAMBTPCMT, trong quá trình lấy lời khai nhằm chứng minh vụ án, điều tra viên cần xem xét đặc điểm tính chất của từng đối tượng với vụ án mà có phương pháp lấy lời khai phù hợp nhiều góc độ khách quan, nhằm chứng minh vụ án.

- Đối với vật chứng, kết luận giám định, biên bản hoạt động điều tra, các tài liệu đồ vật khác trong vụ án.

Việc thu thập, bảo quản đối với vật chứng phải tuân thủ theo quy định tại điều 75 BLTTHS, cụ thể: “Vật chứng cần được thu thập kịp thời, đầy đủ, được mô tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Trong trường hợp vật chứng không thể đưa vào hồ sơ vụ án thì phải chụp ảnh và có thể ghi hình để đưa vào hồ sơ vụ án. Vật chứng phải được niêm phong, bảo quản...Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn và hư hỏng. Việc niêm phong, bảo quản vật chứng được thực hiện như sau....”

Trong VAMBTPCMT, vật chứng ma túy có giá trị chứng minh rất lớn trong vụ án. Do đó đối với các vụ án liên quan đến ma túy, thu thập kịp thời, đầy đủ vật chứng sẽ giúp cho cơ quan điều tra có chứng cứ quan trọng để kết luận vụ án một cách chính xác, từ đó có biện pháp xử lý đúng đắn. Nếu bỏ lọt ma túy hoặc vật chứng, sẽ dẫn đến tình trạng không đủ chứng cứ, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

Vật chứng là nguồn chứa thông tin của chứng cứ, chứa đựng thông tin phản ánh về những vấn đề cần phải chứng minh và những tình tiết khác có ý nghĩa giải

quyết nhanh chóng, chính xác, đúng đắn vụ án hình sự. Để đảm bảo vật chứng có thể cung cấp thông tin tốt nhất về vụ án, cơ quan điều tra phải thu thập, bảo quản theo trình tự thủ tục luật định, đảm bảo tính nguyên vẹn, không mất mát, lẫn lộn và hư hỏng.

Ngoài ra đối với vật chứng, BLTTHS nước ta cũng quy định những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định. Theo khoản 3 điều 155 BLTTHS năm 2003 quy định “Bắt buộc trưng cầu giám định khi cần xác định:..Tình trạng tâm thần của bị can, bị cáo... Tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc người bị hại...; Tuổi của bị can, bị cáo, người bị hại....”

Đối với vụ án mua bán chất ma túy, cơ quan điều tra bắt buộc trưng cầu giám định chất ma túy, đây là căn cứ quan trọng xác định hàm lượng chất ma túy, và kết quả hàm lượng ma túy đôi khi ảnh hưởng rất lớn đến kết quả xét xử của vụ án. Việc quy định trưng cầu giám định là điều cần thiết đối với loại tội phạm này nhằm chứng minh vụ án, tuy nhiên BLTTHS 2003 chưa quy định thời gian trưng cầu giám định nên việc giải quyết vụ án gặp khó khăn và không kịp thời.

Bên cạnh đó BLTTHS 2003 cũng đã đề cập đến nguồn chứng cứ quan trọng của cơ quan điều tra đó là biên bản về các hoạt động điều tra, xét xử, các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án. Những vấn đề trên lần lượt được quy định tại:

- Điều 77: Biên bản về hoạt động điều tra và xét xử
- Điều 125. Biên bản điều tra
- Điều 132: Biên bản hỏi cung bị can
- Điều 154: Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể và thực nghiệm điều tra
- Điều 200: Biên bản phiên tòa.....

Bộ luật tố tụng hình sự nước ta đã có nhiều quy định đối với các hoạt động này, các quy định rất chặt chẽ và rõ ràng, giúp cho cơ quan điều tra và điều tra viên dễ dàng áp dụng và thực hiện trong quá trình thu thập chứng cứ về vụ án.

Tóm lại: Chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT, cơ quan điều tra và điều tra viên cần phải nắm rõ những quy định của BLTTHS 2003 về

- Những quy định chung về chứng minh theo BLTTHS tại điều 64.
- Quy định chủ thể của hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án ma túy

- Quy định về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án ma túy
- Quy định về các chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT
- Quy định liên quan đến các bước của hoạt động chứng minh (thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ)

Quá trình chứng minh trong điều tra vụ án mua bán nói riêng và quá trình chứng minh hình sự nói chung, đó là quá trình nhận thức, được hình thành bởi các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ do điều tra viên tiến hành có nghĩa vụ thực hiện theo quy định của BLTTHS. Trong quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra VAMBTPCMT nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan điều tra, mà người tiến hành tố tụng là Điều tra viên. Những người tham gia tố tụng như bị can, bị cáo, luật sư ... có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh.

Để thực hiện quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra VAMBTPCMT, những điều tra viên phải sử dụng chứng cứ là phương tiện giúp cho họ đánh giá đúng đắn chính xác được toàn bộ diễn biến của hành vi phạm tội, muốn vậy họ cần phải nắm vững và xác định rõ các vấn đề cần phải chứng minh, đó là đối tượng chứng minh bao gồm nhóm những sự kiện tình tiết như: Sự kiện phạm tội; các tình tiết của việc thực hiện tội phạm tương ứng với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm do BLHS quy định; người thực hiện tội phạm; lỗi cố ý hoặc vô ý; các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết đặc trưng cho nhân thân bị can, bị cáo; các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự; hậu quả của việc thực hiện tội phạm. Đồng thời phải xác định được giới hạn của việc chứng minh tức là xác định ranh giới của việc thu thập và nghiên cứu các tình tiết có ý nghĩa để giải quyết đối với từng vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra VAMBTPCMT phải tuân thủ những quy luật chung của quá trình nhận thức hiện thực khách quan, thể hiện việc nhận thức chân lý khách quan về vụ án, tức là sử dụng chứng cứ đã được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo trình tự do LTTHS quy định làm phương tiện để nhận thức sự thật khách quan về vụ án. Đó chính là nội dung hết sức quan trọng, là cơ sở cho quá trình chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy tìm đúng sự thật, đảm bảo được chính xác, khách quan.

2.2 Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 về chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT

Phạm vi sửa đổi của BLTTHS 2015 được xác định là căn bản và toàn diện. Trên cơ sở đó. Bộ luật gồm 510 điều, được bố cục thành 9 phần, 36 chương, trong đó bổ sung mới 176 điều, sửa đổi 317 điều, giữ nguyên 17 điều, bãi bỏ 26 điều. Kết cấu của Bộ luật được thiết kế lại khoa học hơn, theo trình tự tố tụng từ khởi tố đến điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và gắn với các chủ thể tiến hành tố tụng ở mỗi giai đoạn.

Đối với vấn đề chứng minh trong điều tra vụ án hình sự nói chung và vụ án mua bán trái phép chất ma túy nói riêng, những quy định mới của BLTTHS 2015 góp phần quy định cụ thể và chặt chẽ đối với hoạt động chứng minh, giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và cơ quan điều tra nói riêng làm sáng tỏ và giải quyết đúng đắn vụ án.

Trước những sự thay đổi này, đề tài tập trung phân tích và đánh giá những thay đổi cơ bản liên quan đến chứng minh trong vụ án, cụ thể:

- Những thay đổi mang tính nguyên tắc của BLTTHS 2015 liên quan đến chứng minh trong vụ án.
- Quy định chủ thể tham gia hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án ma túy
- Quy định về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án ma túy
- Quy định về các chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT
- Quy định liên quan đến các bước của hoạt động chứng minh(thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ)

- Những quy định khác ảnh hưởng đến vấn đề chứng minh trong điều tra vụ án

2.2.1 Những thay đổi mang tính nguyên tắc của BLTTHS 2015 liên quan đến chứng minh trong vụ án.

Một là Bổ sung nguyên tắc mới và loại bỏ một số nguyên tắc:

- BLTTHS năm 2015: bổ sung 05 nguyên tắc mới, gồm: suy đoán vô tội (Điều 13); không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm (Điều 14); tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra (Điều 19); tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26); kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự (Điều 33). Cơ sở thay đổi: nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người,

quyền công dân và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát trong hoạt động tố tụng hình sự.

Bên cạnh đó trong Chương I BLTTHS năm 2015: đã đưa các quy định không mang tính nguyên tắc mà bản chất chỉ là những quy định về trình tự, thủ tục tố tụng hoặc trách nhiệm của các cơ quan, ra khỏi hệ thống các nguyên tắc và quy định trong Chương I (Phạm vi điều chỉnh, nhiệm vụ, hiệu lực của BLTTHS). Sự thay đổi này nhằm bảo đảm các quy định về nguyên tắc đúng nghĩa là những tư tưởng chỉ đạo đối với việc xây dựng và thực hiện BLTTHS, bảo đảm tính khoa học, chặt chẽ của hệ thống các nguyên tắc cơ bản, tạo cơ sở cho việc hình thành những chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Như vậy về nguyên tắc trong tố tụng hình sự 2015 đã ghi nhận những nội dung mới mang tính đột phá và tạo sự thay đổi cơ bản, định hướng toàn diện đối với hoạt động chứng minh trong vụ án. Căn cứ vào những quy định này trong quá trình chứng minh vụ án ma túy, đối với cơ quan điều tra và điều tra viên cần phải quán triệt những nguyên tắc mới, áp dụng vào thực tiễn hoạt động điều tra, đảm bảo hiệu quả trong quá trình giải quyết vụ án.

2.2.2 Quy định chủ thể tham gia hoạt động chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT (Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Chương III))

Nhằm để khắc phục những hạn chế khó khăn của BLTTHS 2003 trong tổ chức thực hiện. BLTTHS năm 2015 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của chương này theo hướng không chỉ điều chỉnh đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, mà còn điều chỉnh cả cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trên cơ sở đó, điều chỉnh tên chương thành: “Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”. Cụ thể gồm có:

- BLTTHS 2015 quy định tăng quyền, tăng trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên(các điều 37, 42) nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn; thúc đẩy quá trình giải quyết vụ án khẩn trương, chính xác;

- Mở rộng diện người tiến hành tố tụng (các điều 34, 38, 43 và 48) nhằm để phù hợp với Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức TAND năm 2014 và thực tiễn giải quyết vụ án hình sự thời gian qua.

- **Đối với Cơ quan điều tra bổ sung được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 35 và Điều 39)**, Nhằm phản ứng kịp thời với tình hình tội phạm xảy ra trên biển, đồng thời, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo từ phương diện hoạt động tư pháp.

- **Quy định thêm về nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 39 và Điều 40)** nhằm quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng, cấp phó các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

2.2.3 Quy định về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án ma túy

Theo quy định của BLTTHS 2015 về những vấn đề cần phải chứng minh trong điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự có quy định thêm khoản 5 và 6, tuy đây là vấn đề không mới so với BLTTHS 2003 nhưng nó đã được đưa vào ở một điều luật cụ thể và khoa học hơn.

Đồng thời các đối tượng chứng minh cụ thể theo BLHS 2015 cũng đã có nhiều thay đổi so với BLHS 1999 mà điều tra viên và các cơ quan tiến hành tố tụng cần quan tâm với ba nhóm vấn đề sau:

* **Nhóm một:** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm.

* **Nhóm hai:** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt.

* **Nhóm ba:** Nhóm tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án.

Theo sự tiến bộ của ngành lập pháp Việt Nam, chúng ta hiện nay đã áp dụng BLHS 2015 nhằm khắc phục những điểm hạn chế của các quy định của luật cũ, đã ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nói chung và chứng minh vụ án nói riêng.

Trong hoạt động chứng minh của cơ quan điều tra, điều tra viên cần nắm vững những thay đổi mang tính căn bản của BLHS 1999, vì những thay đổi đó tác động rất lớn đến đối tượng chứng minh và chính điều đó là thay đổi toàn bộ hoạt động chứng minh, luận văn chỉ tập trung 02 nhóm vấn đề cụ thể đó là:

- **Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm.** Theo quy định mới của BLHS 2015 thì các quy định về tội phạm mua bán trái phép chất ma túy được tách ra và quy định riêng tại điều 251. Đây là điều luật

được tách từ Điều 194 “Tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” của BLHS năm 1999. Những quy định chung của BLHS 2015 có quy định nhiều điểm mới liên quan đến chủ thể tội phạm, ảnh hưởng đến quá trình chứng minh, do đó tác giả sẽ nghiên cứu sâu hơn ở chuyên đề sau.

- **Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt.** Đối với BLHS 2015 đã thay đổi cập nhật về các quy định Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự; Miễn chấp hành hình phạt; Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, qua đó chúng ta thấy các vấn đề về phi tội phạm hóa, tội phạm hóa và các nội dung nhằm miễn trách nhiệm hay tăng nặng đã được quy định cụ thể, dễ hiểu và sắp xếp khoa học hơn. Điều tra viên bên cạnh việc củng cố chứng cứ nhằm để xác định tội danh, tính chất mức độ phạm tội, thiệt hại... nhằm làm rõ vụ án thì học còn cần phải thu thập những chứng cứ liên quan đến trách nhiệm hình sự, đặc biệt là những tình tiết có thể miễn trách nhiệm hình sự hoặc tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị can. Đó là cơ sở để Viện kiểm sát và tòa án xử lý vụ án đúng đắn.

2.2.4. Quy định mới liên quan đến chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT

- **Điều chỉnh khái niệm về chứng cứ (Điều 86)** nhằm để phù hợp với yêu cầu của cải cách tư pháp và Hiến pháp năm 2013 về tăng cường tranh tụng, bảo đảm sự công bằng trong quá trình chứng minh.

- **Bổ sung một số nguồn chứng cứ và quy định về loại trừ chứng cứ (Điều 87)** việc này được bổ sung với lý do để tháo gỡ những vướng mắc đặt ra trong thực tiễn, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại và yêu cầu hội nhập quốc tế; đáp ứng các yêu cầu của chứng cứ về tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp.

2.2.5. Quy định mới liên quan đến các bước hoạt động chứng minh cụ thể: thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra VAMBTPCMT.

2.2.5.1. Hồ sơ vụ án, văn bản tố tụng, thời hạn, chi phí tố tụng (Chương VIII)

- **Bổ sung quy định về trách nhiệm lập hồ sơ vụ án (Điều 131)** Nhằm bảo đảm trách nhiệm của từng cơ quan tiến hành tố tụng và bảo đảm tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ vụ án, BLTTHS năm 2015.

- **Bổ sung và quy định cụ thể nội dung các văn bản tố tụng (Điều 132)**

nhằm tạo sự thống nhất trong quá trình người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập văn bản tố tụng; đồng thời, khắc phục hạn chế của BLTTHS năm 2003, trong các điều luật cụ thể phải quy định lập lại các nội dung của văn bản tố tụng.

2.2.5.2. Điều tra vụ án hình sự (từ Chương X đến Chương XVII)

Bên cạnh quy định chặt chẽ, cụ thể thẩm quyền của các cơ quan điều tra, các biện pháp điều tra, BLTTHS 2015 còn luật hóa các biện pháp điều tra đặc biệt. Những quy định mới này tập trung ở các quy định cụ thể:

- **Những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp trung ương, Cơ quan điều tra cấp tỉnh (Điều 163)** nhằm bảo đảm việc điều tra đúng thẩm quyền, tránh các quy định mang tính định tính dẫn đến tùy tiện điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền của cấp dưới.

- **Bổ sung và quy định cụ thể một số biện pháp điều tra (các điều 191, 215-222)** BLTTHS năm 2015 đã bổ sung biện pháp nhận biết giọng nói, định giá tài sản và quy định cụ thể thủ tục tiến hành các biện pháp này, nhằm làm cơ sở pháp lý để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn chứng minh tội phạm.

- **Quy định cụ thể về giám định (các điều 205-214);** BLTTHS năm 2003: chỉ có 5 điều luật quy định về giám định, đối với BLTTHS năm 2015: xây dựng 10 điều luật điều chỉnh đầy đủ các nội dung liên quan đến giám định; nhằm nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong công tác giám định hiện nay như: giám định chậm trễ; giám định không chính xác; xung đột giữa các kết luận giám định.

- **Luật hóa các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (các điều 223-228)**, theo BLTTHS năm 2003 đã không quy định. Và BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể các biện pháp được phép áp dụng bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử; quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng chỉ đối với một số loại tội phạm, trong đó có tội phạm về ma túy. Việc quy định này nhằm để cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật...”, tạo cơ sở pháp lý để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm hiện nay, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN TRÁI PHÉP MA TÚY

3.1 Thực trạng quá trình chứng minh các vụ án mua bán trái phép chất ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 2010 đến 2015.

Giai đoạn điều tra là "đầu vào" của quá trình TTHS. Vì vậy, hoạt động chứng minh VAMBTPCMT ở giai đoạn này có vị trí và vai trò rất quan trọng. Từ đó giúp trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của Viện kiểm sát và Tòa án ở các giai đoạn tiếp theo: truy tố và xét xử. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2015, cơ quan điều tra Công an TP.Hồ Chí Minh đã phối hợp hiệu quả với nhiều đơn vị trong hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT, đã góp phần rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm mua bán trái phép ma túy. Đây cũng là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát và Tòa án hàng năm xử lý một số lượng rất lớn các vụ án ma túy đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời làm cơ sở giáo dục, răn đe đối với đối tượng phạm tội này.

Để đánh giá thực trạng của hoạt động chứng minh trong điều tra án mua bán ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2010 đến 2015, chúng ta đánh giá trên căn cứ các vấn đề sau:

3.1.1 Những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT tại TP.HCM

- ***Đối với các quy định về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự*** trong hoạt động chứng minh tội phạm này, thực tiễn đã bộc lộ một số vấn đề khiến cho việc tổ chức một số hoạt động khó khăn hoặc chưa đảm bảo yếu tố pháp lý:

+ Về nội dung thủ tục chứng kiến khi tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, như khám người; khám chỗ ở, nơi làm việc; thu giữ bưu kiện... thủ tục này có ý nghĩa quan trọng đảm bảo tính khách quan, vô tư trong hoạt động tiến hành TTHS. Tuy vậy trong vụ án mua bán chất ma túy, thủ tục như vậy nhiều khi khó thực hiện và gây bất lợi cho cơ quan điều tra. Trong nhiều trường hợp việc thu giữ chứng cứ ma túy được tiến hành vào ban đêm hoặc những địa điểm, hoàn cảnh khó khăn, nếu mời người chứng kiến sẽ mất cơ hội thu thập chứng cứ.

+ Thủ tục phê chuẩn đối với trường hợp bắt để tạm giam, bắt khẩn cấp, tạm giữ, các biện pháp khám xét.... còn bất cập, nhiều trường hợp không áp dụng được với tội phạm ma túy. Việc phạm tội mua bán ma túy thường tổ chức rất tinh vi, manh động và sẵn sàng phi tang vật chứng, do đó thời gian quy định thủ tục để Viện kiểm sát ra quyết định sau 12 giờ ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án.

+ Đối với người làm chứng, luật TTHS 2003 quy định trình tự thủ tục làm việc với người làm chứng bắt cập, không phù hợp trong trường hợp vụ án ma túy. Cụ thể trong trường hợp bắt quả tang đối tượng mua bán ma túy, việc lấy lời người làm chứng ngay là cấp thiết giúp cho quá trình điều tra vụ án, thực tế cần phải có quy định về việc này.

+ Quy định về vật chứng: một số vật chứng, phương tiện, tiền bạc... thuộc sở hữu người khác bị đối tượng phạm tội sử dụng trong quá trình mua bán ma túy, thì phải trả lại cho chủ sở hữu. Tuy nhiên cơ quan điều tra khi chuyển giao vụ án cho Viện kiểm sát và tòa án thì theo nguyên tắc thì vật chứng thuộc thẩm quyền của Tòa án.

+ Đối với bắt khẩn cấp, việc xác định hành vi phạm tội nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng đối với tội phạm mua bán ma túy thực tiễn rất khó. Việc đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mua bán ma túy cơ bản phụ thuộc Viện kiểm sát khi truy tố, do đó cơ quan điều tra thường đánh giá trên cơ sở số lượng ma túy trong vụ án.

- **Đối với tình hình tội phạm mua bán trái phép ma túy** ảnh hưởng đến hoạt động chứng minh: Đối với tội phạm mua bán ma túy, chúng dùng rất nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm thực hiện hành vi tội phạm, trong thực tiễn đấu tranh chứng minh làm rõ các vụ án về tội phạm này thời gian qua, cơ quan điều tra đã nắm được một số đặc điểm và thủ đoạn cơ bản của loại tội này, cụ thể:

+ *Thủ đoạn bán hàng*: Những đối tượng mua bán ma túy với số lượng lớn, có đường dây, bọn chúng sử dụng các phương tiện hiện đại như: điện thoại cố định và di động nhưng luôn thay đổi số máy; trong giao dịch dùng tiếng lóng; quy ước ám hiệu trong liên lạc để chuyển giao và móc nối tiêu thụ ma túy. Chúng thường xuyên kiểm tra tiền trước khi giao hàng, nhận tiền trước hoặc thậm chí bên mua phải cử đại diện làm con tin trước khi giao hàng. Chúng luôn thay đổi địa điểm giao hàng

hoặc đe dọa, kìm chân, khám xét người mua hàng. Do vậy, rất nguy hiểm cho lực lượng chức năng trong quá trình đấu tranh, khám phá vụ án.

+ *Bọn tội phạm buôn bán ma túy quy mô lớn* khi bị bắt giữ rất ngoan cố, không chịu khai báo và thường chấp nhận bị xử lý pháp luật với mức cao. Trong quá trình bị giam giữ, chúng tìm mọi cách để đào tường, khoét gạch nhà tạm giữ, tạm giam, giả vờ ốm nặng để được đưa đi bệnh viện rồi tìm cách trốn. Thậm chí chúng còn dựng chuyện vu khống, khai báo không đúng sự thật về các đối tượng khác cùng tham gia hoạt động phạm tội. Vì vậy, trong công tác đấu tranh, làm rõ vụ án mua bán ma túy các lực lượng PCMT, cơ quan điều tra phải có kế hoạch chu đáo phối hợp với các lực lượng để tổ chức bắt, khám xét khẩn cấp, thu tập chứng cứ, điều tra đạt hiệu quả cao.

+ *Đặc biệt nguy hiểm khi bọn tội phạm mua bán trái phép chất ma túy lôi kéo, móc nối với một số cán bộ cơ quan chức năng* bị thoái hoá, biến chất để che chắn và tham gia phạm tội, móc ngoặc với ngành y, ngành dược để tuồn các loại thuốc có chất ma túy ra thị trường tiêu thụ. Cá biệt, có trường hợp những người làm nhiệm vụ chống tội phạm như: hải quan, bộ đội biên phòng, công an..... cũng tiêu cực nhận tiền của đối tượng rồi thông báo cho chúng về chủ trương của các cấp, các ngành trong tổ chức các chiến dịch tấn công tội phạm ma túy để chúng chủ động đối phó với cơ quan chức năng trong quá trình điều tra.

+ *Đối tượng đại lý bán lẻ ma túy* thường sử dụng anh em, họ hàng, bạn bè thân thiết, tuyển chọn, tạo ân huệ với những người không có công ăn việc làm, lợi dụng trẻ em, bà già, người tàn tật... tạo thành đường dây khép kín để buôn bán, tránh sự phát hiện điều tra và xử lý của cơ quan chức năng. Đồng bọn hay người nhà chúng tìm mọi cách mua chuộc cán bộ điều tra để không bị xử lý, nếu có bị xử lý thì được giảm mức hình phạt hoặc được tại ngoại. Nếu không mua chuộc được, chúng tìm mọi cách tung tin, bôi lem nhằm vô hiệu hoá một số cán bộ trực tiếp đấu tranh phòng chống ma túy. Vì vậy ta phải hết sức cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn này của bọn tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy.

Khi đã có địa điểm, thủ đoạn của chúng là chia hàng, đóng gói ở trên gác, trên tầng hoặc trong nhà tắm. Nếu bị lộ sẽ ném ma túy qua cửa sổ hoặc dội nước chảy hết ma túy. Trong quá trình hoạt động, chúng còn cất giấu ma túy ở nhà người khác,

trong hầm, dưới nền nhà, trong tường, trong vỏ thuốc lá, trong bánh xà phòng, tuýp đánh răng, trong đế guốc, dưới lót giày, trong hành lý, túi ba lô, cài ma túy vào cơ thể người bằng băng dính, cho vào túi nilon nuốt vào dạ dày, cho vào bao cao su giấu trong âm đạo phụ nữ để khi kiểm tra khó phát hiện.

Khi mang heroin đi bán, chúng thường cho hàng vào trong ghi đông xe, cầm ở tay, cho vào ống tay áo có nịt chun, các nơi dễ tẩu tán. Nếu bị phát hiện thì chúng thả, vứt ma túy để phi tang. Đối tượng bán lẻ ma túy ở địa bàn công cộng thường giấu ma túy trong người, dưới gốc cây, lỗ cột điện, dưới viên gạch, nhận tiền rồi chỉ chỗ lấy hàng. Chúng bán hàng vào ban đêm, ở nơi ít ánh sáng hoặc bịt gần kín mặt khi bán hàng để gây khó khăn cho việc tổ chức nhận diện ảnh, nhận diện người khi bị điều tra, truy tố. ở những địa bàn trung tâm, chúng hay cất giấu cần sa, ma túy tổng hợp trong túi, dưới đệm xe xích lô rồi mang đến điểm có người nước ngoài, các vũ trường để tiêu thụ, thanh toán tiền ngay hoặc bắt đặt cọc tiền, cầm đồ, sau đó mới giao ma túy.

Đối tượng mua ma túy thường là số đối tượng mua để bán lại, mua để hút, hít và sử dụng. Số đối tượng này cũng rất cảnh giác đối với cơ quan công an. Chúng thường gọi điện hoặc trực tiếp đến gặp chủ bán ma túy trước, quy ước địa điểm giao hàng. Chúng thường phải trả tiền trước, nhận hàng sau. Trong quá trình mua ma túy chúng tính toán kỹ lưỡng về thời gian và thường dùng mặt khẩu để liên hệ, tránh sự phát hiện của cơ quan công an.

+ Một số điểm mới của loại tội phạm này xuất hiện trong những năm gần đây đó là có nhiều dấu hiệu phạm tội mang tính quốc tế, áp dụng công nghệ thông tin vào trong các hành vi phạm tội, nhiều thủ đoạn mới phức tạp hơn. Đặc biệt là đường dây mua bán ma túy xuyên quốc gia, ẩn danh, mọi hoạt động đều khó phát hiện, xử lý.

3.1.2. Thực trạng hoạt động chứng minh trong điều tra án mua bán ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2010 đến 2015

a. Thực trạng chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án

- *Công tác chỉ đạo điều tra* được chú trọng và đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả chứng minh, đúng tiến độ điều tra và đáp ứng yêu cầu pháp luật tố tụng. Khác với nhiều loại tội phạm, tội phạm mua bán ma túy

thường dùng nhiều thủ đoạn để thực hiện tội phạm và có quan hệ phức tạp với nhiều loại đối tượng hình sự, kinh tế, an ninh.... Chính vì như vậy, thủ trưởng cơ quan điều tra, lãnh đạo các cấp rất quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ nhằm giúp cho cán bộ điều tra, lực lượng chức năng nhanh chóng xác minh làm rõ, giải quyết vụ án.

Ví dụ: Công an thành phố đã trực tiếp chỉ đạo Phòng Cảnh sát PCTP về MT phát hiện khám phá 02 chuyên án (611A, 107E) bắt 08 đối tượng thu 15 bánh heroin, 3kg Ice, 3kg Ketamin, 30 ngàn viên thuốc lắc từ biên giới Tây Nam và phía Bắc vào thành phố tiêu thụ. Trong 02 chuyên án này thu cùng lúc 06 loại ma túy (heroin, cần sa, Ice, ketamin, thuốc lắc, ma túy Five của Nhật loại mới)

- **Công tác tổ chức điều tra**, các cơ quan điều tra đã chủ động phối hợp với các lực lượng điều tra trinh sát, Viện kiểm sát, trại giam các cơ quan khác nhằm thu thập chứng cứ, chứng minh làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án.

+ **Phối hợp với lực lượng điều tra trinh sát**: trên cơ sở nắm tình hình hoạt động phạm tội của các đối tượng trên địa bàn, cơ quan điều tra sẽ phối hợp nắm tình hình về các hoạt động liên quan đến các đối tượng trong vụ án, từ đó phối kết hợp xác định dấu hiệu tội phạm, xác định căn cứ và cơ sở khởi tố. Đồng thời kết hợp trong việc xác định căn cứ bắt, xác định địa điểm cần khám xét, đối tượng khám xét, những tài liệu vật chứng cần và có thể phát hiện, thu giữ và trong quá trình hỏi cung, lấy lời khai. Ngoài ra trong việc thu thập chứng cứ, lực lượng điều tra trinh sát còn hỗ trợ cơ quan điều tra củng cố giá trị pháp lý chứng cứ. Hỗ trợ của các lực lượng điều tra trinh sát cùng các hoạt động nghiệp vụ của họ mặc dù luật tố tụng hình sự 2003 chưa ghi nhận, nhưng đối với quá trình chứng minh trong cơ quan điều tra VAMBTTCMT thì lực lượng này có vai trò rất quan trọng giúp điều tra viên giải quyết nhanh chóng và chính xác vụ án.

+ **Phối hợp với Các cơ quan Viện kiểm sát TP.HCM**: khác với lực lượng điều tra trinh sát, Viện kiểm sát không hỗ trợ cơ quan điều tra trong cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng với chức năng là cơ quan giám sát, sự tham gia thường xuyên, chặt chẽ của Viện kiểm sát là sự đảm bảo cho hoạt động điều tra tiến hành đúng luật và tạo cơ sở cho việc truy tố. Các nội dung phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát gồm: trao đổi, thảo luận với Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật khi áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam; phối hợp trong việc xác định căn cứ

khởi tố vụ án; phối hợp trong quá trình tiến hành thu thập chứng cứ... sự phối hợp chặt chẽ của Viện kiểm sát giúp cho cơ quan điều tra góp phần quan trọng làm cho hoạt động chứng minh trong điều tra đảm bảo đúng pháp luật, vừa đảm bảo cho việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo của cơ quan điều tra đáp ứng nghiệp vụ nhưng không trái pháp luật.

+ Phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác: phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức: Bru điện, các tổ chức, đơn vị quản lý và khai thác mạng internet, các đơn vị địa phương, các lực lượng vũ trang khác, bộ đội biên phòng.... Tùy vào tính chất từng vụ án mua bán trái phép chất ma túy mà cơ quan điều tra phối hợp với các cơ quan này. Trong thời gian qua, lực lượng cảnh sát PCTP về MT Công an TP.HCM đã tiếp nhận và giải quyết rất nhiều vụ án từ các đơn vị phối hợp.

Ví dụ như: Phòng PC47 CATP cũng đã phối hợp cùng PC47 CA tỉnh Long An, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai khám phá 3 vụ án. Tổng cộng đã bắt 4 đối tượng, thu 352,79g Heroin, 428,6g MTTH, 01 súng K54, 6 viên đạn, 01 súng Rulo tự chế bắn đạn cao su cùng nhiều công cụ phương tiện hoạt động phạm tội khác; Phối hợp giữa PC47 TP.HCM với cụm cảng hàng không miền nam và hải quan, đã khám phá điều tra mở rộng 5 vụ, bắt 5 đối tượng, thu 5.68 kg heroin, 15kg MTTH, 11.81kg cocain.

- **Tình hình thu thập, củng cố chứng cứ** trong điều tra các VAMBTPCMT, nhận thấy tầm quan trọng của chứng cứ và vật chứng đối với loại tội phạm này, cơ quan điều tra Công an TP.HCM rất chú trọng đối với công tác này. Cụ thể:

+ Đối với biện pháp khám xét: đối với tội phạm ma túy, biện pháp khám xét của cơ quan điều tra thường thu thập được nhiều vật chứng, chứng cứ có giá trị củng cố rất tốt trong quá trình chứng minh vụ án. Ví dụ: Tháng 6, 8/2014, Đội 2 - PC47 khám phá chuyên án 414A, triệt phá thành công đường dây vận chuyển mua bán trái phép chất ma túy bắt khởi tố 9 bị can, xử lý hành chính 7 đối tượng. Qua tiến hành khám xét và thu giữ tang vật thu giữ 4,21kg Heroin (14 bánh), 363 triệu đồng, 92 ngàn USD, 02 sổ tiết kiệm trị giá 1,27 tỷ đồng, kê biên 02 căn nhà cùng nhiều công cụ phương tiện hoạt động phạm tội khác.

+ Đối với biện pháp hỏi cung, lấy lời khai: Qua nhận định về hoạt động này của cơ quan điều tra trong thời gian qua đã góp phần chứng minh và xác định lỗi của

hành vi phạm tội. Các đối tượng phạm tội mua bán ma túy thường là những đối tượng ngoan cố, tinh ranh và nhiều thủ đoạn, do đó điều tra viên đã sử dụng những chứng cứ, tài liệu khác nhau (lời khai đồng bọn, thông tin tài liệu của đối tượng, kết quả khám xét...) để đấu tranh buộc đối tượng phải khai nhận từng vấn đề cụ thể và từng bước buộc đối tượng phải thừa nhận hoặc khai báo đầy đủ hành vi phạm tội của họ.

Biện pháp lấy lời khai ngoài ra còn được cơ quan điều tra được sử dụng nhằm để phát hiện thu thập chứng cứ mà còn để củng cố, kiểm tra chứng cứ. Qua khảo sát thấy rằng hầu hết các chứng cứ thu được từ nguồn chứng cứ khác đều qua việc khai báo với điều tra viên, bị can thừa nhận hành vi phạm tội của mình và trình bày chi tiết, cụ thể quá trình mua bán ma túy, từ đó tạo cơ sở để cơ quan điều tra tiếp tục mở rộng vụ án đấu tranh với các đối tượng khác, và đây cũng là cơ sở cho việc ra quyết định tố tụng, bản án mang tính thuyết phục.

Ví dụ: Giữa tháng 11/2014, Đội CSĐTTPVMT CAQ.Bình Tân đã khám phá vụ án mua bán trái phép chất ma túy có tính chất xuyên quốc gia, từ phía Bắc vào thành phố tiêu thụ, bắt 2 đối tượng, thu 12,1kg ma túy đá, sau đó cơ quan điều tra đã tiếp tục đấu tranh các đối tượng đã khai nhận các đối tượng khác trong đường dây và các đầu mối cung cấp. Căn cứ vào những tình tiết mới cơ quan điều tra đã lập hồ sơ, đồng thời củng cố các chứng cứ liên quan đến các đối tượng đó để tiếp tục đấu tranh.

+ Đối với biện pháp thu thập chứng cứ khác (giám định, thực nghiệm điều tra, nhận dạng..v.v). Trong thời gian qua việc hỗ trợ công tác giám định và các hoạt động thu thập chứng cứ khác được tập trung đầu tư, từ đó giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, định hướng được các bước tiếp theo cần làm trong quá trình điều tra. Bên cạnh đó, đối với việc giám định chất ma túy trong thời gian qua có nhiều điểm mới và quy định mới, định hướng cho cơ quan điều tra xác định chính xác hàm lượng, số lượng.

- Tình hình kiểm tra và đánh giá chứng cứ trong điều tra các VAMBTPCMT.

Qua khảo sát được biết việc kiểm tra chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy được Cơ quan điều tra về tội phạm ma túy Tp.HCM

nói riêng và Công an TP.Hồ Chí Minh nói chung đặc biệt chú trọng, nhờ đó đã kịp thời khắc phục những thiếu sót, sai lầm trong điều tra. Các điều tra viên khẳng định “Việc kiểm tra chứng cứ thu được đối với tội phạm ma túy thực hiện rất kỹ”, và thực tế cơ quan điều tra thường áp dụng các phương pháp sau: Đối chiếu các tài liệu do lực lượng điều tra trinh sát với nhau, đối chiếu lời khai với tài liệu điều tra trinh sát, đối chiếu các lời khai với nhau (lời khai người mua và người bán, lời khai giữa các đối tượng mua ma túy, lời khai giữa người làm chứng và người mua bán ma túy...), đối chiếu lời khai với chứng cứ, tài liệu thu được; đối chiếu giữa thông tin tài liệu thu được với thực tế nội dung vụ án cơ quan điều tra đã tìm hiểu... bằng những biện pháp đó cơ quan điều tra đã bẻ gãy được sự ngoan cố của các đối tượng mua bán ma túy và góp phần giải quyết vụ án. Bên cạnh việc kiểm tra chứng cứ không chỉ nhằm để xác định tính khách quan của nó đối với vụ án mà còn là cơ sở để phát hiện chứng cứ mới, góp phần mở rộng điều tra.

Đối với việc đánh giá chứng cứ, cơ quan điều tra Công an Tp.HCM rất quan tâm, họ xem các chứng cứ trong vụ án sẽ có quan hệ chặt chẽ với nhau và có ảnh hưởng đến việc ra quyết định tố tụng. Các chứng cứ trong VAMBTPCM được cơ quan điều tra đánh giá không chỉ đánh giá một lần mà rất nhiều lần, với sự tham gia của nhiều người. Và cơ quan điều tra đã đánh giá qua các bước: Điều tra viên đánh giá chứng cứ độc lập; tập thể điều tra viên (đội điều tra) bàn bạc, trao đổi rút ra kết luận chính xác, khách quan đối với các chứng cứ; thủ trưởng cơ quan điều tra (Phòng CSPSTP về MT) đánh giá, chỉ đạo điều tra và xem xét để ra quyết định tố tụng; tổ chức họp với các đơn vị phối hợp hoặc liên quan... các công đoạn kiểm tra này cũng được xem là một căn cứ để đánh giá chứng cứ, góp phần hoàn thiện các hoạt động chứng minh vụ án.

Ví dụ: Cuối tháng 10/2014, Phòng PC47 phối hợp với C47 khám phá chuyên án 814H (VA của C47) bắt 2 đối tượng người nước ngoài. Kết quả thu 1,97kg MA, 0,995kg Ketamin, 10.000 viên thuốc lắc (cân nặng 2,58kg), 2,18kg chất phức tạp, 204 triệu đồng cùng nhiều công cụ phương tiện hoạt động phạm tội. Các chứng cứ của vụ án 814H nhiều và phức tạp, ngoài ra các đối tượng phạm tội lại liên quan đến yếu tố nước ngoài. Trong quá trình kiểm tra đánh giá chứng cứ đã được lãnh đạo Công an TP.Hồ Chí Minh và lãnh đạo Cục CSĐT về TPMT – Bộ Công an phối hợp

chỉ đạo và giải quyết. Trên cơ sở đánh giá chứng cứ của vụ án 814H, cơ quan điều tra cũng đã khám phá một chuyên án khác do Công an Bình dương, Công an Tây Ninh điều tra.

Bên cạnh những kết quả đó, hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra Công an Tp.HCM cũng còn nhiều điểm tồn tại cần tiếp tục khắc phục. Các hạn chế, tồn tại này thể hiện ở một số điểm cụ thể sau đây:

1) Một số Cơ quan điều tra địa phương trong quá trình xử lý vụ án chậm trễ trong tiến hành khởi tố, thậm chí không thực hiện đầy đủ thủ tục trong các hoạt động điều tra theo luật.

Thông thường một số cơ quan điều tra khi tiếp nhận vụ việc khi đã có đủ căn cứ thì phải khởi tố vụ án, nhưng nhiều vụ án mua bán trái phép chất ma túy chưa xác định được đối tượng phạm tội hoặc bắt được đối tượng phạm tội nhưng không tìm được ma túy.... nên một số đơn vị chậm khởi tố vụ án. Việc này thường dẫn đến việc các đơn vị đã chậm trễ thường sẽ bỏ qua một số thủ tục trong quá trình điều tra, ảnh hưởng đến quá trình xác định sự thật vụ án.

Ví dụ: Ngày 21/3/2012 tại xã Phước Thạnh, huyện Củ chi, đối tượng Nguyễn Văn An (trú tại ấp Mít Nài xã Phước Thạnh) đã mua của Phạm Văn Bình 05 gram heroin nhằm đem lên TP.HCM bán lại. Nhận được tin báo của nhân dân, Cảnh sát PCTP về Ma túy của huyện Củ chi đã xác minh làm rõ sự việc trên, tuy nhiên số lượng ma túy trên đã không còn, đối tượng Bình không xác định được nơi ở. Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi đến 28/10/2012 mới bắt được Bình đang bán ma túy cho An tại Trảng Bàng, Tây Ninh, đến thời điểm này vụ án mới được khởi tố và làm rõ sau 7 tháng.

2) Công tác phối hợp giữa các đơn vị gặp khó khăn nhất định: Do đối tượng ma túy hoạt động trên nhiều địa bàn, chủ yếu là các khu vực phức tạp, giáp ranh, khu vực biên giới... nên cơ quan điều tra cần phải phối hợp với nhiều lực lượng khác nhau, do đó trình tự, thủ tục nhằm bắt, khám xét các đối tượng thường chậm trễ, gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó việc phối hợp phá án, bắt đối tượng và thu thập chứng cứ đối với cơ quan điều tra là rất quan trọng, tuy nhiên do phối hợp chỉ đạo giữa các cơ quan không thống nhất với nhau nên dẫn đến nhiều trường hợp bắt mà không phát hiện

chứng cứ hoặc bắt mà không tìm được đối tượng bán....trên thực tế phối hợp của cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Tp.HCM với các đơn vị đã gặp phải và dẫn đến vụ án khó mở rộng, không thu thập được chứng cứ quyết định, không xác định chính xác được tính chất vụ án.

Ví dụ: Ngày 29/8/2012, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân là tại ga Sài Gòn có đối tượng vận chuyển ma túy, lực lượng cảnh sát phòng chống ma túy CA.TP.HCM đã khẩn trương phối hợp Công an quận 3 và Ban quản lý Ga Sài Gòn xác minh. Kết quả: không phát hiện được đối tượng nhưng thu được 1 hộp giấy, trong đó đựng 8.75 kg thuốc phiện.

3) Trong việc thu thập và kiểm tra chứng cứ trong quá trình chứng minh còn nhiều hạn chế, thiếu sót, sơ hở nhất định. Đó là việc thu thập không đầy đủ chứng cứ đặc biệt là vật chứng ma túy, cụ thể đối với trường hợp: Trong vụ án bắt được đối tượng Nguyễn Long (Long cầu) mua bán trái phép ma túy tại quận 4, cơ quan điều tra đã bắt quả tang đối tượng đang bán 05 tép heroin, tiến hành khám xét nhà của Long nhưng không thu được ma túy. Vật chứng mà điều tra viên thu thập chưa phản ánh hết tính chất của vụ án, Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã chỉ đạo xác minh các mối quan hệ và tích cực đấu tranh xét hỏi, cuối cùng cơ quan điều tra biết được Long mới mua 100g ma túy về, hiện cất giấu tại nhà trọ tại Q8.

Bên cạnh đó những quy định mới về việc giám định hàm lượng ma túy, giám định tính chất ma túy, các đơn vị địa phương cấp quận, huyện chưa nắm rõ nên dẫn đến thiếu sót trong hồ sơ tố tụng.

4) Một số Cơ quan điều tra ở địa phương (chủ yếu là cấp quận, huyện) đã vi phạm quy định của BLTTHS về thu giữ, bảo quản và xử lý vật chứng, khi tiến hành thu thập vật chứng thiếu thủ tục tố tụng, hoặc trong quá trình thu thập lại không đảm bảo trong quá trình chứng minh, xử lý vụ án. Cụ thể như: Lập biên bản thu giữ vật chứng sơ sài không mô tả chi tiết mẫu vật thu giữ; không tiến hành niêm phong; không có người chứng kiến,... nên khi gửi mẫu vật đi giám định đã không được cơ quan chức năng công nhận. Việc bảo quản vật chứng ở nhiều địa phương chưa đảm bảo, có trường hợp làm hư hỏng thất thoát ma túy và thậm chí để mất hoặc đánh tráo các vật chứng.

Ví dụ: Ngày 30/7/2011 Nhận được tin báo của Công an Phường 22 về việc bắt quả tang một đối tượng Nguyễn Văn Thông có hành vi mua bán ma túy, thu giữ được một gói nghi là Ma túy tổng hợp. Cơ quan điều tra Quận Gò Vấp đã tiếp nhận vụ án về hành vi mua bán trái phép ma túy, thu thập và giám định vật chứng, đúng là ma túy tổng hợp, tuy nhiên trong quá trình bắt, số lượng ma túy đã bị đối tượng cố tình tẩu tán tang vật và thất thoát lượng lớn. Từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến xác định tính chất vụ án, ảnh hưởng đến kết quả của vụ án trong giai đoạn xét xử. Khi tiến hành khám xét nhà của bị can Công an Gò Vấp đã thu giữ cả thanh kiếm cổ của gia đình bị can và một số hồ sơ, giấy tờ không có liên quan đến vụ án.

5) Tình trạng Điều tra viên khi xử lý các vụ án mua bán trái phép chất ma túy không rõ đối tượng, phức tạp, nhiều đối tượng liên quan... dẫn đến thái độ không tích cực tiến hành các hoạt động điều tra để thu thập chứng cứ và xử lý dứt điểm các vụ án, không tiến hành hoặc tiến hành chậm trễ hoạt động thu thập chứng cứ dẫn đến vi phạm thời hạn điều tra xảy ra tương đối phổ biến ở nhiều địa phương.

Ví dụ: Ngày 17/05/2011 Cơ quan cảnh sát điều tra quận Thủ Đức đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can nhưng không tiếp tục tiến hành thu thập chứng cứ, mặc dù đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở nhưng đến hết năm 2011 việc xử lý vụ án vẫn giậm chân tại chỗ.

6) Hiện tượng Điều tra viên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án vẫn xảy ra ở một số địa phương và việc Điều tra viên hứa hẹn, đe dọa, mớm cung, dùng nhục hình,... đối với bị can khi tiến hành lấy lời khai của họ ở một số địa phương cũng là một trong những vấn đề mà dư luận quan tâm.

Ví dụ: Tại Công an quận 8, cán bộ đội Cảnh sát PCTP về MT trong vụ án bắt giữ đối tượng Việt kiều Mỹ liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tịch thu 50.000 đôla cùng nhiều tài sản, cán bộ thu thập đã cố tình không đưa tiền và một số tài sản vào hồ sơ vụ án. Trong quá trình kiểm tra, lãnh đạo Công an TP.HCM đã phát hiện và xử lý kỷ luật nghiêm khắc đối với chỉ huy và tước quân tịch, khởi tố đối với cán bộ thụ lý vụ án.

7) Việc thu thập và đánh giá các chứng cứ, tài liệu chứng minh về hậu quả thiệt hại do hành vi tội phạm mua bán ma túy gây ra cũng là khâu chưa được các Điều tra viên quan tâm và thực hiện đầy đủ. Việc điều tra xác minh về tiền án, tiền

sự, độ tuổi của bị can (hoặc của nạn nhân), nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm của người chưa thành niên;... cũng là những tồn tại trong hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra.

Những tồn tại nêu trên trong hoạt động chứng minh của Cơ quan điều tra đã gây khó khăn hoặc kéo dài việc xử lý vụ án ở các giai đoạn tiếp theo của quá trình TTHS, điều đó được thể hiện ở một số điểm cơ bản sau đây:

- Nhiều trường hợp đề nghị truy tố của Cơ quan điều tra (thể hiện trong kết luận điều tra) không được Viện kiểm sát chấp nhận: về tội danh, điều khoản BLHS sự áp dụng; về tình tiết định khung tăng nặng; các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự...

- Một số vụ án còn bị đình chỉ vì không có căn cứ khởi tố theo quy định của pháp luật: thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; người phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm;...

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung do thu thập chưa đầy đủ chứng cứ; vi phạm thủ tục tố tụng;...

b. Thực trạng xử lý trong điều tra các VAMBTPCMT trên địa bàn TP.HCM từ 2010-2015

Theo báo cáo của Phòng Cảnh sát PCTP về Ma túy – Công an TP.Hồ Chí Minh từ năm 2010 đến 2015, trên địa bàn thành phố đã xảy ra tổng cộng 9352 vụ án về mua bán ma túy, cụ thể:

1) Kết quả khám phá chung:

- Qua thống kê kết quả đấu tranh, trong năm 2010 - 2015, toàn lực lượng CSĐTTPVMT CATP đã phát hiện 9352 vụ và 19.907 đối tượng. *So với trung bình của các năm trước giai đoạn 2010-2015 giảm 753 vụ, tỷ lệ 8,83%, giảm 1481 đối tượng, tỷ lệ 11,2%.*

Trong đó, số vụ liên quan đến mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy là 8.430 vụ, 13.494 đối tượng (*giảm 108 vụ, tỷ lệ 0,92%, giảm 1656 đối tượng, tỷ lệ 10,93%*);

- Tang vật thu giữ 162.276 kg Heroin (trong đó có 25.32kg Heroin do Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất phát hiện, chuyển giao), 78.6 kg Cocain (trong đó có 25 vụ vận chuyển do Hải quan sân bay TSN phát hiện), 59.52kg cần sa, 236.292 kg MTTH

(gồm 71,01kg MTTH do Hải quan sân bay TSN phát hiện), 255.96kg PSE. Trong đó có 42 vụ thu 112,76kg PSE được PC47 tiếp nhận và bắt mở rộng.

- Công cụ phương tiện: 739 cân tiểu ly và cân điện tử, 7.236 xe gắn máy, 12.060 ĐTDĐ, 48,69 tỷ đồng, gần 2.400 ngàn USD, 171 khẩu súng, gần 1420 viên đạn các loại cùng nhiều công cụ phương tiện hoạt động phạm tội khác.

- Kết quả xử lý:

+ Chuyển điều tra thụ lý: 7518 vụ, 10.452 tên (*mỗi năm tăng 24 vụ, tỷ lệ +3,1%, tăng 11 tên, tỷ lệ +1,2%*);

+ Xử lý hành chính: 2454 vụ, 9.648 đối tượng (*bình quân mỗi năm giảm 211 vụ, 522 đối tượng*).

* Riêng Phòng PC47 đã điều tra khám phá 189 vụ án, trong đó có 47 chuyên án, 74 hiềm nghi, 59 vụ án, chuyển điều tra 666 đối tượng, chuyển địa phương xử lý 360 đối tượng. Thu giữ 90.954kg Heroin, 78.6kg Cocain, 113.148kg MTTH, 62 khẩu súng và gần 714 viên đạn các loại, 72 cân tiểu ly, 324 xe máy, 648 ĐTDĐ, 25,6 tỷ đồng, gần 1.440 ngàn USD...cùng nhiều công cụ phương tiện hoạt động phạm tội khác.

2) Công tác điều tra tố tụng:

Tổng số án thụ lý từ năm 2010 - 2015 là 9352 vụ 14.430 bị can.

- Xử lý 7452 vụ 10.632 bị can, bao gồm:

+ KLĐT chuyển VKSNDTP đề nghị truy tố 7128 vụ, 10020 bị can (trong đó KLĐTBS 121 vụ 285 bị can);

+ Đình chỉ 29 vụ, 37 bị can; tạm đình chỉ 72 vụ, 38 bị can;

+ Di lý 480 vụ, 586 bị can.

Riêng phòng PC47, công tác điều tra mở rộng án vẫn đạt hiệu quả cao, nổi bật là bắt mở rộng các đối tượng mua bán, vận chuyển tiền chất ma túy trong các vụ án do Hải quan chuyển, xác lập chuyên án truy xét truy bắt nhiều đối tượng. Tỷ lệ điều tra khởi tố mở rộng tương đương 84% so với tổng số bị can đơn vị bắt ban đầu.

Qua kết quả điều tra đấu tranh của Công an TP.Hồ Chí Minh về các VAMBTPCMT, chúng ta nhận thấy các vụ án xảy ra trên địa bàn thành phố trong thời gian qua rất nhiều, hiệu quả đấu tranh đối với các vụ án của cơ quan điều tra đạt hiệu quả cao, các vụ án được Viện kiểm sát chấp nhận khởi tố vụ án chiếm trên 90%.

Các chất ma túy thu giữ chiếm khối lượng rất lớn, ngăn chặn kịp thời hành vi nguy hiểm cho xã hội, đồng thời còn thu được các loại vũ khí và các vật chứng giúp các cơ quan tố tụng dễ dàng đánh giá và căn cứ quyết định hình phạt trong xét xử.

Qua khảo sát hoạt động cơ quan điều tra Phòng Cảnh sát PCTP về Ma túy, chúng tôi nhận thấy một số nguyên nhân làm hạn chế kết quả, chất lượng chứng minh và dẫn đến thiếu sót, sơ hở trong điều tra, xử lý các tội phạm về mua bán ma túy.

+ Bộ máy tổ chức chuyên trách công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy của quận, huyện còn thiếu và mỏng. Hầu hết lực lượng Cảnh sát Phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn thành phố chưa đáp đủ yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy; Tinh thần trách nhiệm của một bộ phận Điều tra viên chưa cao, thiếu chủ động, sáng tạo trong công tác; tác phong làm việc không khoa học, thiếu thận trọng, tởm mĩ, thậm chí cầu thả;

+ Một số không nhiều Điều tra viên ở một số địa phương có biểu hiện thoái hóa, biến chất, bị tác động bởi các hiện tượng tiêu cực nên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án, cố tình đánh giá sai các chứng cứ, tình tiết về vụ án dẫn đến xử phạt không nghiêm hoặc bỏ lọt tội phạm;

+ Nhiều Điều tra viên các cấp hạn chế nhận thức lý luận về chứng cứ và chứng minh trong TTTHS; không nắm vững các quy định của BLTTHS về trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ ở từng giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự; phạm vi và các tình tiết cần chứng minh trong VAMBTPCMT; vi phạm các nguyên tắc về đánh giá chứng cứ; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;...

+ Một số Điều tra viên không nắm vững các quy định ở Phần chung của BLHS (về khái niệm tội phạm; các hình thức lỗi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt; nguyên tắc quyết định hình phạt; tái phạm, tái phạm nguy hiểm; xóa án;...) cũng như các yếu tố cấu thành các tội phạm cụ thể; không thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

+ Kỹ năng nghiệp vụ điều tra của một số Điều tra viên còn nhiều hạn chế, yếu kém khi tiến hành các hoạt động chứng minh vụ án; cán bộ chưa được đào tạo

chuyên sâu về nghiệp vụ, pháp luật; trình độ ngoại ngữ, tin học rất hạn chế. Kinh nghiệm trong công tác đối với một số điều tra viên về tội phạm ma túy chưa nhiều, chưa đáp ứng kịp tình hình đấu tranh với tội phạm.

+ Một số quy định của BLTTHS, BLHS chưa được giải thích, hướng dẫn đầy đủ, cụ thể và kịp thời dẫn đến sự nhận thức và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan điều tra, giữa cấp trên và cấp dưới trong quá trình chứng minh các VAMBTPCMT; đối với chủ thể điều tra, cơ sở pháp luật cho công tác phát hiện và điều tra đối với lực lượng điều tra trinh sát các tội phạm này còn thiếu, chưa tạo được hành lang pháp lý đầy đủ cho cuộc đấu tranh; chế độ tài chính trong việc thu nhận tin tức liên quan đến tội phạm hay chế độ bảo vệ cộng tác viên khi họ cộng tác với cơ quan công an để phát hiện tội phạm còn chưa đầy đủ.

+ Lãnh đạo của một số điều tra cấp quận, huyện thiếu trách nhiệm, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ cấp dưới; xử lý không nghiêm các hiện tượng tiêu cực xảy ra trong cơ quan

+ Công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn và rút kinh nghiệm chuyên môn về nghiệp vụ chứng minh tội phạm chưa được các đơn vị tiến hành thường xuyên. Việc tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ Điều tra viên các cấp chưa được quan tâm đúng mức.

+ Tổ chức hệ thống các cơ quan điều tra ở Tp.Hồ Chí Minh còn nhiều bất hợp lý làm cho hoạt động chứng minh tội phạm gặp nhiều trở ngại, kém hiệu quả. Nhiều cơ quan tiến hành tổ tụng, nhất là ở cấp thứ ba chưa được kiện toàn về tổ chức biên chế còn thiếu nhiều cán bộ

+ Hệ thống lý luận về công tác phòng chống ma túy, đặc biệt là lý luận khoa học về phát hiện, điều tra tội phạm ma túy còn thiếu và lạc hậu, chưa sát với tình hình thực tế. Kinh nghiệm của Interpol và Cảnh sát các nước chưa được quan tâm đúng mức và nghiên cứu, áp dụng ở Việt Nam.

+ Tội phạm ma túy hiện nay đã có nhiều thủ đoạn tinh vi không thua kém các đối tượng phạm tội ma túy quốc tế, kể cả về các loại vũ khí. Nhưng phương tiện kỹ thuật vừa thiếu vừa lạc hậu, kinh phí cho hoạt động còn eo hẹp, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh.

+ Sự phối hợp giữa Cảnh sát phòng chống ma túy quận, huyện với các lực lượng khác trong ngành công an, các cơ quan khối nội chính cũng như cơ quan ngoài ngành chưa đồng bộ, làm ảnh hưởng đến việc phát hiện và điều tra ban đầu tội phạm này.

3.2. Phương hướng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT tại TP.Hồ Chí Minh

3.2.1. Một số phương hướng nâng cao hiệu quả chứng minh trong điều tra vụ án mua bán trái phép chất ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT chịu sự chi phối và tác động ở những mức độ và phạm vi khác nhau của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động này, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau nhằm hạn chế, khắc phục những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các chủ thể, đồng thời phát huy các yếu tố tích cực đối với hoạt động này. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT ở Tp.Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay cần được tiến hành theo các hướng sau đây:

1- Tiếp tục tuân thủ quy định BLTTHS 2003 và nhanh chóng hoàn thiện BLTTHS 2015, nhằm áp dụng những tiến bộ trong tố tụng và khắc phục các hạn chế đối với Bộ luật TTHS 2003. Tuy nhiên, theo chúng tôi, các quy định về hoạt động chứng minh trong BLTTHS (sửa đổi 2015) vẫn còn nhiều điểm còn bất cập. Nhiều quy định trong BLHS (cả phần chung và phần các tội phạm) chưa thống nhất áp dụng giữa các cơ quan tố tụng, nên còn có sự nhận thức không đầy đủ và thiếu chính xác giữa các cơ quan điều tra. Vì vậy, song song với việc tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định BLTTHS 2003, thì cần hoàn thiện nhằm sớm đưa vào áp dụng các quy định của BLTTHS 2015 (liên quan đến hoạt động chứng minh) và các quy định của BLHS. Đây là một trong định hướng có vai trò quyết định đối với việc nâng chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh, bởi vì nó không chỉ tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động của các chủ thể chứng minh đạt hiệu quả mà còn là cơ sở để tiến hành đồng bộ các giải pháp khác.

2- Kiện toàn tổ chức, biên chế của các cơ quan điều tra ở các cấp.

Đây là một định hướng quan trọng trong tình hình hiện nay khi cơ cấu tổ chức của các cơ quan điều tra, nhất là đối với Cơ quan điều tra (cả ở cấp thành phố và quận huyện) còn bất hợp lý. Thực trạng đội ngũ Điều tra viên ở thành phố, đặc biệt là ở cấp quận huyện còn thiếu nhiều về số lượng, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp không đồng đều và có nhiều hạn chế.

3- Xây dựng đội ngũ Điều tra viên các cấp có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi.

Nhân tố con người luôn là yếu tố quyết định sự thành công trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. TTHS là một trong những lĩnh vực đặc thù mang tính chất nghề nghiệp cao nên càng đòi hỏi nghiêm khắc hơn yêu cầu về tiêu chuẩn cán bộ. Ngoài phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, đội ngũ Điều tra viên phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay.

4- Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của các cơ quan điều tra các cấp.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật là yếu tố có vai trò quan trọng đối với hoạt động chứng minh tội phạm của các cơ quan điều tra, đặc biệt là trong điều kiện của thời đại bùng nổ thông tin và sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Tình hình tội phạm mua bán ma túy ở TP.Hồ Chí Minh và cả nước có xu hướng gia tăng về quy mô và phạm vi hoạt động, tính chất cũng phức tạp hơn. Đặc biệt, bọn tội phạm về ma túy đã sử dụng các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong thực hiện tội phạm với những thủ đoạn hết sức tinh vi và xảo quyệt. Tình hình cơ sở vật chất ở các cơ quan điều tra hiện nay, nhất là ở quận huyện còn rất thiếu thốn, các phương tiện và trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác điều tra vừa thiếu, vừa lạc hậu đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, việc bảo đảm cho các cơ quan điều tra đủ cơ sở vật chất và các trang thiết bị, kỹ thuật cần thiết phục vụ hoạt động điều tra, truy tố và xét xử là một nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

5- Cần có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ phù hợp với hoạt động nghề nghiệp đặc thù.

Đấu tranh phòng và chống tội phạm là một trận tuyến nóng bỏng đòi hỏi sự công hiến, sự hy sinh kể cả tính mạng, trong đó Điều tra viên là những chiến sĩ tiên phong trực tiếp đối mặt với tội phạm. Vì vậy, TP.Hồ Chí Minh cần có chính sách và chế độ đãi ngộ đối với những người làm nhiệm vụ này thỏa đáng và phù hợp với đặc thù nghề nghiệp tạo điều kiện để họ yên tâm, phấn khởi và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh trong điều tra các VAMBTPCMT

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT trong giai đoạn hiện nay, cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Các giải pháp này liên quan chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau tạo thành cơ chế vận hành và thúc đẩy hoạt động của các cơ quan điều tra và các điều tra viên trong quá trình chứng minh các VAMBTPCMT. Căn cứ vào nội dung và tính chất, có thể phân các giải pháp này thành các nhóm sau đây:

3.2.2.1. Giải pháp hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật hình sự liên quan đến hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT

Hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT là hoạt động tố tụng và phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan điều tra và điều tra viên tiến hành các hoạt động thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ là cơ sở cho việc xử lý các VAMBTPCMT bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan sai người vô tội đồng thời không bỏ lọt tội phạm. Khi tiến hành thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ các điều tra viên phải căn cứ không chỉ vào các quy định của BLTTHS mà cả các quy định của BLHS và Bộ luật dân sự để xác định phạm vi (giới hạn), các tình tiết của vụ án và các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên cần phải thu thập chứng cứ, tài liệu để chứng minh làm rõ. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện không chỉ pháp luật TTHS mà cả pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật phòng chống tội phạm ma túy, pháp luật điều tra hình sự... trong đó có các quy định pháp luật có liên quan đến quá trình chứng minh (giải quyết) các VAMBTPCMT. Các giải pháp này bao gồm:

**** Hoàn thiện và áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hình sự:***

Quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT là một yếu tố giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình TTTHS, là cơ sở để đảm bảo phát hiện nhanh chóng chính xác, xử lý kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đây cũng là cơ sở để đảm bảo đạt được mục đích và nhiệm vụ đặt ra của TTTHS. Để khắc phục những bất cập, vướng mắc và tồn tại trong thực tiễn chứng minh tội phạm và nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh đối với tội phạm mua bán trái phép ma túy của các cơ quan điều tra ở Tp.Hồ Chí Minh, cần phải tiếp tục áp dụng các quy định BLTTHS 2003 và hoàn thiện các quy định BLTTHS 2015 (về chứng cứ và chứng minh, về hoạt động chứng minh của các chủ thể ở các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử). Trong thời điểm, BLTTHS 2015 đã ban hành và chuẩn bị hoàn thiện để đưa vào áp dụng, chúng ta cần phải nghiên cứu đối với những quy định mới, những thay đổi về hoạt động tố tụng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động chứng minh vụ án. Bởi vậy việc nghiên cứu áp dụng và hoàn thiện các quy định của BLTTHS 2015 liên quan đến hoạt động chứng minh trong VAMBTPCMT là một đòi hỏi cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Trong phạm vi của luận văn này, chúng tôi chỉ đề cập và đề xuất một số điểm chủ yếu về hoàn thiện các quy định của BLTTHS 2015 có liên quan trực tiếp đến hoạt động chứng minh VAMBTPCMT, cụ thể là:

- Các nguyên tắc mới trong BLTTHS 2015 ảnh hưởng đến hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án. Bên cạnh các nguyên tắc đã được quy định trong BLTTHS 2003 thì tại BLTTHS 2015 bên cạnh loại bỏ những nguyên tắc không cần thiết, đã quy định thêm nguyên tắc: suy đoán vô tội (Điều 13); không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm (Điều 14); tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra (Điều 19); tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26); kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự (Điều 33).

Các nguyên tắc này thay đổi cơ bản các hoạt động trong chứng minh vụ án, đối với các điều tra viên và cơ quan điều tra cần nắm và tuân thủ đúng đắn những nguyên tắc này, tránh những sai sót cơ bản trong quá trình giải quyết vụ án, đặc biệt đối với nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

- **Đối với các quy định mới về chứng cứ:** Theo quy định mới BLTTHS 2015 so với BLTTHS 2003, thì khái niệm chứng cứ đã được cụ thể hóa bằng điều cụ thể đó là:

“Điều 86. Chứng cứ: Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.”

Đồng thời đã bổ sung một số nguồn của chứng cứ như: Dữ liệu điện tử, Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác trong đấu tranh chống tội phạm... đối với tội phạm ma túy thì các dữ liệu thu thập là dữ liệu điện tử, kết quả xác minh của các cơ quan điều tra quốc tế trong thời gian qua chưa được luật hóa. Chính vì vậy những quy định mới của BLTTHS 2015 liên quan đến chứng cứ, thu thập chứng cứ, chủ thể thu thập chứng cứ... cơ quan điều tra và điều tra viên cần chú trọng lưu ý và cập nhật kịp thời, phục vụ quá trình chứng minh vụ án.

- **Đối với chủ thể tham gia hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án ma túy:** nhằm nâng cao hiệu quả chứng minh, chúng ta cần quán triệt quy định về chủ thể hoạt động chứng minh và tổ chức triển khai áp dụng các quy định mới của BLTTHS 2015 vào thực tiễn điều tra các vụ án. Theo quy định mới BLTTHS 2015 mở rộng phạm vi điều chỉnh của chương này theo hướng không chỉ điều chỉnh đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, mà còn điều chỉnh cả cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trên cơ sở đó, điều chỉnh tên chương thành: “Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”.

- **Đối với quy định về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án ma túy:** Theo quy định của BLTTHS 2015 về những vấn đề cần phải chứng minh trong điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự có quy định thêm khoản 5 và 6, tuy đây là vấn đề không mới so với BLTTHS 2003 nhưng nó đã được đưa vào ở một điều luật cụ thể và khoa học hơn.

Đồng thời các đối tượng chứng minh cụ thể theo BLHS 2015 cũng đã có nhiều thay đổi so với BLHS 1999 mà chúng ta cần quan tâm. Trước hết để tiếp cận hiệu quả và dễ dàng, chúng ta tiếp cận dưới ba nhóm vấn đề sau:

* *Nhóm một*: Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm. Theo quy định mới của BLHS 2015 quy định về tội phạm mua bán trái phép chất ma túy được tách ra và quy định riêng tại điều 251. Đây là điều luật được tách từ Điều 194 “Tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” của BLHS năm 1999. Bổ sung 03 chất ma tổng hợp mới Methamphetamine, Amphetamine, MDMA với cung chính sách hình sự như hêrôin, côcain. Các nội dung của điều 251 BLHS 2015 cho thấy các vấn đề cơ bản về khách thể, mặt khách quan, chủ thể của hành vi phạm tội và mặt chủ quan của tội phạm này về cơ bản không thay đổi.

* *Nhóm hai*: Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt, bao gồm: Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự; Miễn chấp hành hình phạt; Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các quy định này của BLHS 2015 đều bổ sung nhiều điểm mới là cơ sở cho điều tra viên tiến hành xác định nội dung đối tượng chứng minh và các vấn đề liên quan đến nó ảnh hưởng đến vụ án.

- **Quy định mới liên quan đến các bước của hoạt động chứng minh (thu thập, kiểm tra đánh giá, sử dụng chứng cứ)**: Bộ luật TTHS 2015 đã có nhiều quy định mới nhằm quy định trình tự, thủ tục pháp lý liên quan đến các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Về khái niệm các giai đoạn trên đều được định nghĩa tại các điều 88, 90, 105 và 108 BLHS 2015 và tại chương VI một số quy định mới cụ thể về các loại chứng cứ cũng được xây dựng và quy định cụ thể. Ngoài ra trong BLTTHS 2015 còn quy định một số trình tự thủ tục thu thập thông tin từ lời khai bị can, bị cáo... trong hoạt động điều tra vụ án. Các vấn đề trên được quy định là để giúp cho cơ quan điều tra thuận lợi trong quá trình thực hiện hoạt động chứng minh.

3.2.2.2. *Các giải pháp về đổi mới tổ chức bộ máy, đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan điều tra*

Nhiệm vụ quan trọng hiện nay là phải xây dựng được một mô hình tổ chức các cơ quan điều tra theo hướng củng cố, kiện toàn và sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra cấp thứ ba (cấp quận, huyện) bảo đảm để các cơ quan này đủ khả năng giải quyết toàn bộ những VAMBTPCMT xảy ra tại địa phương. Các cơ

quan điều tra cấp thành phố chủ yếu thực hiện nhiệm vụ điều tra và kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện của cơ quan điều tra cấp dưới và hỗ trợ cho cấp dưới khi chưa có đủ điều kiện, khả năng độc lập thực hiện.

Khác với hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan điều tra có đặc thù là một hoạt động mang tính độc lập (với các cơ quan quản lý nhà nước) và chỉ tuân theo pháp luật. Vì vậy, việc tổ chức và hoạt động của bộ máy Cơ quan điều tra cần phải hạn chế ở mức tối đa sự can thiệp, ảnh hưởng đến hoạt động tổ tụng từ phía các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Mặt khác, việc cải cách các cơ quan điều tra cũng cần hoàn thiện theo hướng đảm bảo cho những người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán) có thể độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Điều tra tội phạm là một công tác khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải có một bộ máy hoàn chỉnh và tổ chức hoạt động khoa học, hợp lý. Để tạo sự thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả trong chỉ đạo công tác điều tra, thực hiện chuyên sâu và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra các VAMBTPCMT, theo chúng tôi cần nhập Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan an ninh điều tra vào một đầu mối và tách Cơ quan điều tra ra khỏi Bộ Công an thành cơ quan độc lập với cơ quan hành pháp, có hệ thống thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Giải pháp đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan điều tra

Cơ sở vật chất - kỹ thuật là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm cho hoạt động của một cơ quan, tổ chức. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện nay, thì yếu tố này càng có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT phải bảo đảm đủ cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp.

Các giải pháp này nhằm bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của: trụ sở, phòng làm việc, phòng xét xử, nhà tạm giữ, tạm giam và các trang bị kỹ thuật (phương tiện giao thông, liên lạc, máy vi tính, các thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, xét xử,...), trang bị đầy đủ các văn bản pháp luật cần thiết (BLTTHS, BLHS, Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan của các cơ quan có thẩm quyền) đến từng cán bộ Điều tra viên và Hội thẩm.

3.2.2.3. Các giải pháp về nâng cao trình độ hoạt động chứng minh của Điều tra viên và đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan điều tra

Chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT phụ thuộc rất lớn vào các chủ thể tiến hành tố tụng, đặc biệt là các Điều tra viên các cấp. Thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử cho thấy trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ Điều tra viên không đồng đều, còn nhiều bất cập, kỹ năng nghiệp vụ còn yếu kém chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, một bộ phận Điều tra viên phẩm chất đạo đức bị thoái hóa, biến chất. Vì vậy, xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên của Tp.Hồ Chí Minh có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi là một yêu cầu cấp thiết, một giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh các VAMBTPCMT. Các giải pháp này bao gồm:

- Kiện toàn các Cơ quan điều tra các cấp bảo đảm đủ biên chế theo quy định;
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm Điều tra viên các cấp;
- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên các cấp;
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của họ.

** Kiện toàn đủ biên chế của Cơ quan điều tra các cấp*

Bảo đảm đủ biên chế cho Cơ quan điều tra các cấp cũng là một giải pháp cần sớm được tiến hành trong giai đoạn hiện nay để nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh tội phạm của các cơ quan điều tra. Theo số liệu của cơ quan chức năng, thì số lượng Điều tra viên các cấp còn thiếu nhiều so với biên chế, đặc biệt là ở các cơ quan điều tra cấp thứ ba.

** Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm Điều tra viên*

Trước hết, phải làm tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm các chức danh Điều tra viên. Các cơ quan điều tra theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phải lựa chọn được những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có lập trường tư tưởng vững vàng, không bị cám dỗ, vụ lợi cá nhân, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi nghiệp vụ để

bổ sung vào đội ngũ Điều tra viên các cấp đồng thời phải xử lý kịp thời nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất. Mặt khác, cần nghiên cứu và có chính sách đãi ngộ đặc biệt và mở rộng phạm vi đối tượng tham gia thi tuyển để đào tạo đội ngũ Điều tra viên để thu hút được những người có chuyên môn giỏi, trình độ học vị cao tham gia vào đội ngũ cán bộ của các cơ quan điều tra. Ngoài ra, cần thực hiện chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Điều tra viên, xây dựng và khẳng định vị thế của họ.

** Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên*

Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý Điều tra viên các cấp; tăng cường mối quan hệ kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động của các cơ quan điều tra. Hoàn thiện cơ chế giám sát của Hội đồng nhân dân cấp thành phố, cấp quận huyện đối với hoạt động của các cơ quan điều tra; về chế độ khen thưởng, kỷ luật về các đảm bảo cho họ hoạt động; cần phải định ra các tiêu chí phân bổ chỉ tiêu biên chế, cơ cấu tỉ lệ giữa Điều tra viên và các chức danh khác.

Thành phố cần phối hợp với các trường Công an nhân dân, các cục vụ thuộc Bộ Công an, nhằm có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng, tập huấn (dài hạn, ngắn hạn) thường xuyên cho đội ngũ Điều tra viên các cấp về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ trong điều tra các VAMBTPCMT; kỹ năng thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ ở các giai đoạn tố tụng cũng như các kỹ năng đặc thù, chuyên sâu trong hoạt động chứng minh đối với các tội như: xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của công dân; các tội phạm về ma túy; các tội phạm về kinh tế; các tội phạm về chức vụ;... và thường xuyên cập nhật các kiến thức pháp luật tố tụng hình sự, dân sự. Đây là một giải pháp cấp bách cần triển khai và thực hiện kịp thời để sớm trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên các cấp, nhất là đối với cấp thứ ba để có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài trong giai đoạn cách mạng mới.

** Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực của Điều tra viên*

Việc sắp xếp, bố trí và phân công nhiệm vụ đối với Điều tra viên phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ thực tế của mỗi cán bộ. Cần kịp thời chuyển những Điều tra viên hạn chế về trình độ chuyên môn hoặc kỹ năng nghiệp

vụ sang làm công việc khác phù hợp hơn. Đánh giá đúng trình độ, năng lực thực tế của họ để bổ nhiệm kịp thời những cán bộ có năng lực vào đội ngũ này.

Mặt khác, phải thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp lý cần thiết (về tội phạm, lý luận về chứng cứ và chứng minh trong VAMBTPCMT, hoạt động thu thập, kiểm tra chứng cứ, các phương pháp đánh giá chứng cứ và sử dụng chứng cứ,...) cho đội ngũ hội thẩm là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động chứng minh tội phạm tại phiên tòa và quyết định về các vấn đề cần giải quyết trong các VAMBTPCMT.

** Về chế độ đãi ngộ và chính sách tiền lương*

Chế độ đãi ngộ và chính sách tiền lương là đòn bẩy kinh tế thúc đẩy cán bộ nói chung, Điều tra viên nói riêng làm việc có chất lượng và hiệu quả, vì nó tạo điều kiện cho họ yên tâm, phấn khởi, tập trung thời gian, trí tuệ vào công việc chuyên môn. Đây cũng là một yếu tố để hạn chế, ngăn chặn sự tác động của các hiện tượng tiêu cực trong cơ chế thị trường, nâng cao hiệu quả quá trình chứng minh VAMBTPCMT.

Những năm gần đây, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và UBND Tp.Hồ Chí Minh đã quan tâm và có nhiều cố gắng áp dụng những biện pháp cần thiết để cải cách chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung và đội ngũ Điều tra viên nói riêng. Đã phát huy được tính tích cực của "đòn bẩy kinh tế" này, nhưng xuất phát từ đặc thù về tiêu chuẩn, nghề nghiệp của Điều tra viên còn cần quan tâm hơn nữa đối với lực lượng này. Đồng thời cần nghiên cứu có các hình thức khen thưởng kịp thời động viên bằng các danh hiệu theo đặc thù của từng ngành nhằm tôn vinh những cán bộ Điều tra viên có tinh thần trách nhiệm cao cả vì sự nghiệp xây dựng bảo vệ pháp chế của Nhà nước. Hiện nay trong xã hội với tính chất, diễn biến của tội phạm ngày càng phức tạp, nguy hiểm, hung hãn... các đối tượng phạm tội luôn luôn tìm các thủ đoạn nhằm cản trở hoạt động chứng minh trong VAMBTPCMT, thông qua nhiều hình thức, mua chuộc, đe dọa, ép buộc những người tiến hành tố tụng nhằm vô hiệu hóa, gây rối, gây sức ép tại nhà riêng. Vì vậy, cần phải nghiên cứu để có chế định pháp luật quy định về chế độ bảo vệ tính mạng, tài sản cho bản thân và gia đình những người tiến hành tố tụng, để họ yên tâm công tác, thực hiện nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân TP.Hồ Chí Minh giao phó.

KẾT LUẬN

Chứng minh trong điều tra VAMBTPCMT ở Tp.Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là nhiệm vụ cơ bản xuyên suốt của cả quá trình điều tra, truy tố và xét xử, nhằm xác định sự thật khách quan, để giải quyết đúng đắn VAMBTPCMT. Song, việc làm sáng tỏ, toàn diện vấn đề này gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp. Đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố, nhiều ý kiến được đề xuất, triển khai trong thực tiễn, nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc cả trong lý luận và thực tiễn. Bằng việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, vận dụng đúng đắn và sáng tạo những quan điểm của phép duy vật biện chứng, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh chống tội phạm, đổi mới xây dựng các cơ quan điều tra, Luận văn đã giải quyết một cách tương đối và toàn diện vấn đề quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở Tp.Hồ Chí Minh trên các bình diện sau:

1. Luận văn đã xây dựng được một số khái niệm mới về quá trình chứng minh VAMBTPCMT ở Tp.Hồ Chí Minh; khái niệm về chứng cứ; thu thập chứng cứ, kiểm tra và đánh giá chứng cứ. Đây chính là cơ sở lý luận và là phương tiện để tiến hành chứng minh VAMBTPCMT.

2. Luận văn đã phân tích, làm sáng tỏ cơ sở lý luận và tổng thể các nội dung những vấn đề cần phải chứng minh trong VAMBTPCMT.

3. Lần đầu tiên Luận văn đã khái quát được thực trạng hoạt động chứng minh của các cơ quan điều tra, chỉ ra những tồn tại, thiếu sót và vướng mắc phổ biến của quá trình chứng minh VAMBTPCMT của Cơ quan điều tra. Kết quả cho thấy việc chậm trễ trong việc tiến hành các hoạt động chứng minh VAMBTPCMT; thu thập chứng cứ tràn lan hoặc không đầy đủ; đánh giá chứng cứ thiếu cơ sở khoa học,... dẫn tới xác định sai tội danh, quyết định hình phạt không phù hợp; trách nhiệm kiểm tra, giám sát của các cơ quan điều tra cấp trên đối với các cơ quan cấp dưới chưa cao; việc sử dụng chứng cứ vào mục đích chứng minh còn thiếu khách quan,... đã dẫn tới xử lý oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Luận văn cũng đã chỉ ra một số nguyên nhân chủ quan và khách quan cơ bản của những thiếu sót, tồn tại trong thực tiễn chứng minh các VAMBTPCMT, đó là: Trình độ chuyên môn của Điều tra viên các cấp còn hạn chế; không nắm vững các

quy định của pháp luật tố tụng về chứng cứ và chứng minh và các quy định của BLHS ở phần chung và phần các các tội phạm cụ thể; cập nhật thiếu các văn bản pháp luật; kỹ năng nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, yếu kém; tinh thần trách nhiệm chưa cao, tác phong làm việc không khoa học, thận trọng, tỉ mỉ; Một số cán bộ bị thoái hóa, biến chất; chưa có sự giải thích, hướng dẫn đầy đủ, cụ thể và kịp thời về các quy định của pháp luật; thiếu trách nhiệm, không thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ cấp dưới; công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn và rút kinh nghiệm chuyên môn về nghiệp vụ chứng minh; việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chưa được quan tâm đúng mức. Tổ chức hệ thống các cơ quan điều tra ở Tp.Hồ Chí Minh còn nhiều bất hợp lý, thiếu nhiều cán bộ.

4. Bằng việc phân tích cụ thể các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS hiện hành, Luận văn đã đưa ra các định hướng và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chứng minh trong VAMBTPCMT bao gồm: Các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động chứng minh; Các giải pháp về tổ chức nhằm kiện toàn tổ chức, biên chế của các cơ quan điều tra; Các giải pháp về nâng cao trình độ hoạt động chứng minh của những người tiến hành tố tụng nhằm xây dựng đội ngũ Điều tra viên các cấp có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; Các giải pháp về vật chất - kỹ thuật nhằm bảo đảm cho các cơ quan điều tra hoạt động có hiệu quả; Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Điều tra viên các cấp phù hợp với hoạt động nghề nghiệp đặc thù của họ;

Như vậy, mục tiêu đặt ra trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn đã đạt được dưới góc độ khoa học về quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT và khoa học luật tố tụng hình sự sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả của quá trình chứng minh trong VAMBTPCMT ở Tp.Hồ Chí Minh. Những kết quả mà Luận văn đạt được đã thể hiện sự nỗ lực cố gắng của bản thân tác giả cũng như sự tận tình giúp đỡ của các nhà nghiên cứu khoa học, các bạn đồng nghiệp. Tuy nhiên, điều kiện nghiên cứu và bản thân có hạn chế nên chắc chắn Luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tác giả đề tài rất mong được sự tiếp tục chỉ dẫn của các nhà khoa học và các bạn đồng nghiệp để Luận văn có nội dung hoàn thiện tốt hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tú Anh (2016), *Một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động phát hiện, điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy của LLCSDT TPVMT Công an TP,HCM và giải pháp nâng cao*, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, Tp.HCM tháng 6 năm 2016.
2. Nguyễn Văn Du (2006), *Quá trình chứng minh trong vụ án hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học Học viện Khoa học xã hội.
3. Đỗ Văn Dương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội
4. Nguyễn Văn Đương (2000), *Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học.
5. Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
6. Nguyễn Phong Hoà và Đặng Ngọc Hùng (1996), *Ma túy và những vấn đề về công tác kiểm soát ma túy* - NXB CAND, Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Hòe (1997): *Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự* của, Luận văn thạc sĩ luật học Học viện CSND;
8. Nguyễn Chí Khuê (2015), *Đối tượng chứng minh trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lâm Đồng*, Luận văn Thạc sĩ Luật học Học viện Khoa học xã hội.
9. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

11. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2003), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
12. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2000), *Luật Phòng chống ma túy*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Đặng Quang Phương (2014), *Chứng cứ - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Học viện Khoa học xã hội, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2010), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2010*, ngày 22 tháng 12 năm 2010.
18. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2011), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2011*, ngày 25 tháng 12 năm 2011.
19. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2012), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2012*, ngày 20 tháng 12 năm 2012.
20. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2013*, ngày 19 tháng 12 năm 2013.

21. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2014*, ngày 27 tháng 12 năm 2014.
22. Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (PC47) - Công an Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết công tác Lực lượng CS.PCTP về MT năm 2015*, ngày 20 tháng 12 năm 2015.
23. Đàm Thanh Thế (2003), *Hoạt động phát hiện và điều tra ban đầu đối với tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy của lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy CA cấp quận, huyện Thành Phố Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ Luật học ĐH CSND.
24. Nguyễn Duy Thuần (2000), *Chứng minh trong tố tụng hình sự - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Duy Thuần (2005), *Chứng cứ trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ Luật học Học viện ANND.
26. Trần Quang Tiệp (2009), *Chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
27. Nguyễn Thanh Vân (2016), *Hoạt động chứng minh của tòa án trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn TP.HCM*, Luận văn Thạc sĩ Luật học Học viện khoa học xã hội.
28. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Luật tố chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015*, Hà Nội, tháng 4 năm 2016.
29. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội, tháng 4 năm 2016.
30. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật hình sự năm 2015*, Hà Nội, tháng 4 năm 2016.

31. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam –Phần các tội phạm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
32. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam – Phần Chung*, BXB Khoa học xã hội, Hà Nội
33. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, BXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. UBND Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2012 - 2015*.